

Một thế kỷ sưu tầm, phiên dịch và nghiên cứu về văn học PGVN

ISSN: 2734-9195 14:35 19/03/2026

Bài viết có nhan đề “Một thế kỷ sưu tầm,...” là chúng tôi muốn nhấn mạnh những thành tựu phiên dịch và nghiên cứu về văn học Phật giáo Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay, lúc văn học nước nhà đang trong quá trình hiện đại hoá, thông qua phương tiện báo chí hiện đại và văn tự quốc ngữ để phổ biến trong đại đa số công chúng độc giả.

Tác giả: **PGS TS. Nguyễn Công Lý**

GVCC Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG TP.HCM

Lời dẫn

Có văn hoá văn hiến tất phải có văn học. Lời khẳng định của nhà thư tịch học Trần Văn Giáp viết trong bài Tựa công trình Việt Nam cổ văn học sử của **Nguyễn Đông Chi** (1942) được chúng tôi coi như là kim chỉ nam để định hướng cho mình trong quá trình học tập và nghiên cứu khi tìm về ngọn nguồn của văn học viết Việt Nam.

Lẽ nào một dân tộc của một đất nước “*thực là một nước văn hiến – Thực vi văn hiến chi bang*” (Nguyễn Trãi) như dân tộc ta lại không có văn học từ xa xưa? Để có văn học thời đại Lý - Trần với nhiều thành tựu rực rỡ và sáng giá là nhờ những mầm mống phôi thai trước đó mà chúng tôi xem đó chính là tiền đề để tạo đà cho bước nhảy vọt thứ nhất về tư tưởng, văn hoá, văn học khi nước nhà giành được độc lập hồi đầu thế kỷ thứ X bởi chiến công của người anh hùng Ngô Quyền.

Chúng tôi tạm định danh thời kỳ/giai đoạn văn học này là “*Văn học viết Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X*”, mà không gọi đó là “*Văn học viết Việt Nam thời Bắc thuộc*” như trước đây đã có vài nhà nghiên cứu từng định danh. Bởi lẽ, theo chúng tôi, nếu gọi là “*thời Bắc thuộc*” thì nền văn học của dân tộc ta lại quá phụ thuộc, lệ thuộc và ảnh hưởng sâu đậm văn hoá tư tưởng văn học Trung Hoa, trong khi đó, mười thế kỷ văn học này lại mang bản sắc văn hoá

Việt rõ nét, thể hiện tính chất thoát Trung, “bất tổn Hoa Hạ”. Nền văn học của dân tộc ta không thua kém gì văn học Trung Quốc về tinh hoa và chất lượng, dù quy mô và bề thế thì chưa được bằng.

Bài viết có nhan đề “*Một thế kỷ sưu tầm,...*” là chúng tôi muốn nhấn mạnh những thành tựu phiên dịch và nghiên cứu về văn học **Phật giáo Việt Nam** từ đầu thế kỷ XX đến nay, lúc văn học nước nhà đang trong quá trình hiện đại hoá, thông qua phương tiện báo chí hiện đại và văn tự quốc ngữ để phổ biến trong đại đa số công chúng độc giả. Có thể lấy cái mốc các học giả như Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh viết về Phật giáo đăng trên Nam Phong tạp chí, Nguyễn Trọng Thuật viết Bình luận về sách Khoá hư cũng đăng trên tờ tạp chí này v.v..

Tiếp theo là phong trào chấn hưng Phật giáo từ thập niên 20, 30 của thế kỷ này được diễn ra sôi động từ Nam ra Bắc, rồi báo chí Phật giáo được xuất bản tại các vùng miền, đăng tải những bài về Phật học và những sáng tác thơ văn có liên quan đến Phật giáo... thì từ đó đến nay cũng ngót nghét 100 năm, nghĩa là một thế kỷ đã trôi qua!

Nhưng thực ra, xét đến cùng, việc sưu tầm, ghi chép và khắc bản in ấn những di sản văn hoá của dân tộc, trong đó có văn học, cha ông ta đã thực hiện sáu, bảy trăm năm rồi, vào gần cuối thời đại Lý -Trần (thế kỷ XIV) và nhiều nhất là vào thời Hậu Lê (thế kỷ XV) sau khi đánh đuổi giặc Minh xâm lược, giành lại độc lập tự chủ, rồi thời Lê trung hưng (thế kỷ XVII, XVIII) dù hồi ấy do phương tiện in ấn và điều kiện quảng bá, phổ biến những di sản này còn rất hạn chế.

Ở đây, khi tổng thuật, để tiện theo dõi, chúng tôi chia thành bốn giai đoạn: Thời hình thành: Từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X; Thời Lý - Trần; Thời Lê - Nguyễn; Thời hiện đại. Chúng tôi chỉ điểm qua những thành tựu sưu tầm, phiên dịch, nghiên cứu tiêu biểu mang tính cốt lõi, chủ yếu về văn học Phật giáo Việt Nam của các nhà nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX đến nay. Trong mỗi giai đoạn, chúng tôi chia ra hai mảng: một là, thành tựu sưu tầm và phiên dịch văn bản; hai là, thành tựu nghiên cứu định giá về văn bản.

1. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản và nghiên cứu văn học Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X (tức trước thời đại Lý - Trần)

1.1. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản văn học Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X

Công trình đầu tiên đã ghi chép về văn học Phật giáo Việt Nam trước thế kỷ thứ X trước hết phải kể đến là Thiền uyển tập anh ngữ lục. Bộ sách này được ghi chép khoảng từ thế kỷ XII - XIII, bởi các thế hệ cao tăng của dòng Thiền Vô Ngôn Thông: Thông Biện, Thường Chiếu, Thần Nghi, Ẩn Không, và có thể Kim Sơn có khả năng là người chấp bút sau cùng.

Văn bản tác phẩm xưa nhất hiện còn là bản khắc in năm thứ 11 niên hiệu Vĩnh Thịnh (1715) đời vua Lê Dụ Tông (1679-1731, trị vì 1705-1729). Nhờ tác phẩm này của nhà chùa lưu giữ mà các nhà nghiên cứu và độc giả mới biết đến thi kệ, ngữ lục của các vị thiền sư Việt Nam từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ XIII. Riêng từ đầu thế kỷ thứ X trở về trước, có thể kể đến tên tuổi hành trạng và thi kệ của các thiền sư sau: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền, Thanh Biện, Định Không, La Quý An (dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi); Vô Ngôn Thông, Cảm Thành, Thiệu Hội, Vân Phong (dòng Thiền Vô Ngôn Thông).

Trong giai đoạn đất nước ta bị lệ thuộc nhà Đường (618-907), qua phong trào du học, có thể kể đến thơ văn xướng họa giữa các nhà sư Việt Nam với các thi nhân đời Đường dưới thời Bắc thuộc mà sử sách Trung Quốc có ghi chép, rồi Lê Quý Đôn có ghi lại trong Kiến văn tiểu lục, với các tên tuổi như Phụng Định pháp sư, Duy Giám pháp sư, vị sư tu trong núi ở quận Nhật Nam, Vô Ngại thượng nhân ở quận Cửu Chân, v.v..

Trên cơ sở những tư liệu vừa nêu mà sau này Trần Văn Giáp trong tiểu luận viết bằng tiếng Pháp *Le Buddhist en Annam des origine au XIIIe siecle* (Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ thứ XIII), Viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội (EFEO) xuất bản năm 1932; rồi Nguyễn Đồng Chi đã giới thiệu vài ba tác phẩm của giai đoạn văn học này, ông gọi đó là *'Thời kỳ phát đoạn'*, trong công trình *Việt Nam cổ văn học sử* (1942)[1].

Trước và sau 1975, trên miền Bắc, nhà nghiên cứu Trần Nghĩa đã công bố trên Tạp chí Văn học giới thiệu một cách khái quát về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X, bài Một số tác phẩm mới phát hiện có liên quan tới dòng văn học viết của người Việt thời Bắc thuộc[2]. Rồi mấy năm sau, ông cho xuất bản một công trình tương đối quy mô và bề thế Khảo sát một số tác giả tác phẩm của dòng văn học viết thời Bắc thuộc[3]. Tiếp theo, nhà nghiên cứu này đã dịch toàn văn và giới thiệu về Sáu bức thư hay là Cuộc tranh luận về Phật pháp giữa Lý Miểu với Đạo Cao và Pháp Minh, cho công bố trên Tạp chí Triết học, đăng lại trên Tạp chí Hán Nôm số 2-1995.

Trong khi đó trước và sau 1975, ở miền Nam, nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát có thể nói là người quan tâm nhiều nhất đến giai đoạn văn học phôi thai này với hàng loạt công trình dày dặn đã xuất bản, ngoài phần khảo sát, còn có giới

thiệu và phiên dịch tác phẩm sang quốc ngữ, tiêu biểu như: Nghiên cứu về Mâu Tử (1982), Khương Tăng Hội toàn tập (Tập 1, 1975), Lục độ tập kinh và lịch sử khởi nguyên của dân tộc Việt (1972), Sáu bức thư (1976), v.v..

1.2. Thành tựu nghiên cứu tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X

Người đầu tiên trong học giới đặt vấn đề này để nghiên cứu, trước hết phải ghi đến công đầu của học giả Nguyễn Đồng Chi trong công trình Việt Nam cổ văn học sử (1942) như mục trên có đề cập. Tiếp theo, Dương Quảng Hàm có nhắc qua giai đoạn văn học phôi thai này trong Việt Nam văn học sử yếu (1943)

Cũng trên miền Bắc, trước và sau 1975, nhà nghiên cứu Trần Nghĩa đã khảo sát và giới thiệu khá kỹ văn học viết Việt Nam trước thế kỷ thứ X qua một tiểu luận công bố trên Tạp chí văn học, mà ở mục trên chúng tôi có nêu. Còn trong công trình Khảo sát một số tác giả tác phẩm của dòng văn học viết thời Bắc thuộc (2000), bên cạnh bài giới thiệu khá công phu và tương đối toàn diện ở phần đầu công trình, thì trong phần trích tuyển văn bản, nhà nghiên cứu còn có giới thiệu đôi nét cơ bản về tác giả và tác phẩm.

Có thể nói, đây là công trình đầu tiên ở nước ta đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn tổng quan vừa bề rộng lẫn chiều sâu về một giai đoạn văn học dân tộc trước khi nước nhà giành lại độc lập tự chủ vào đầu thế kỷ thứ X. Tuy nhiên, công bằng mà nói thì trong công trình của mình, nhà nghiên cứu Trần Nghĩa chưa giới thiệu đầy đủ hết những tác gia và tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam trước thế kỷ thứ X, nếu so với tình hình thư tịch mà giới nghiên cứu ít nhiều đã được biết.

Trong khi đó, ở miền Nam, trước và sau 1975, học giả - nhà nghiên cứu Phật học **Lê Mạnh Thát** đã cho xuất bản hàng loạt công trình khảo sát, dịch thuật và giới thiệu những tác phẩm văn học Phật giáo giai đoạn mầm mống phôi thai này trong các công trình như Nghiên cứu về Mâu Tử (Tu thư Vạn Hạnh, 1982), Khương Tăng Hội toàn tập (2 tập, Tu thư Vạn Hạnh, 1975), Lục độ tập kinh và lịch sử khởi nguyên của dân tộc (Tu thư Vạn Hạnh, 1976), Sáu bức thư (1976), Sơ thảo lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập 1, Tập 2A, Tập 2B (cảo bản, in ronéo, 1978, 1979), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập 1, Nxb Thuận Hoá, 1999; Tập 2, Nxb TP. HCM, 2000. Những công trình vừa nêu đã giúp cho người đọc một cái nhìn có hệ thống và đầy đủ, đồng thời bổ khuyết những gì còn thiếu trong công trình của nhà nghiên cứu Trần Nghĩa, dù công trình của vị giáo sư này công bố muộn hơn so với những công trình của học giả Lê Mạnh Thát

Nguyễn Đăng Na trong bài viết *“Về phương pháp viết văn học sử của GS Nguyễn Đồng Chi”* (Tạp chí Văn học số 3 – 1996) đã đánh giá cao công trình Việt Nam cổ văn học sử, trong đó có đoạn viết về văn học trước thế kỷ thứ X, với những cái mốc mà giáo sư Nguyễn Đồng Chi nêu ra để từ đó ông coi đây là những cú hích tạo bước nhảy vọt cho văn học trung đại Việt Nam phát triển khi nước nhà giành lại độc lập.

Kế thừa thành tựu của những người đi trước, và tiếp tục tìm tòi từ trong thư tịch kinh tạng nhà Phật khi giảng dạy về văn học Phật giáo Việt Nam tại Trường Trung cấp Phật học Khánh Hoà từ khoá đầu tiên, và tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. HCM, Nguyễn Công Lý đã viết mục *“Văn học Phật giáo ở Giao Châu trước thời Lý – Trần”*, trong công trình Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm (hoàn thành 1998, xuất bản 2002).

Chính văn học giai đoạn phôi thai này là tiền đề để cho văn học thời Lý – Trần phát triển rực rỡ và có nhiều thành tựu kiệt xuất. Trước đó, trong bài viết *“Mấy nét về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X và về bài thơ chữ Hán của người Việt viết vào thế kỷ thứ VII”*, Tạp chí Văn học số 10 - 1997 và bài *“Góp phần tìm hiểu diện mạo văn học Phật giáo Việt Nam trước thế kỷ thứ X”*, Tạp chí Hán Nôm số 4 - 1999, đã trình bày diện mạo văn học bằng cách nêu lên tương đối có hệ thống về diễn trình hình thành và phát triển của nó, đồng thời bước đầu phác thảo một số đặc điểm của giai đoạn văn học mầm mống của văn học viết Việt Nam trước khi nước nhà giành lại độc lập.

Gần đây (2024) Nguyễn Công lý trong đề tài trọng điểm cấp ĐHQG TP.HCM Nghiên cứu về văn học viết Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ thứ X đã trình bày có hệ thống và đầy đủ về diện mạo, thành tựu, đặc điểm, giá trị của thời kỳ văn học này, trong đó chủ yếu là văn học Phật giáo.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm)

2. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản và nghiên cứu văn học Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần (thế kỷ X - đầu thế kỷ XV)

2.1. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản văn học Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần

Từ khi nước nhà giành lại độc lập bởi chiến công của Ngô Quyền vào mùa đông năm 938, đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất đất nước, phục hưng những giá trị văn hoá tư tưởng của dân tộc. Dưới các triều đại phong kiến Đại Việt, trải qua nhiều thế kỷ, việc tìm tòi, sưu tầm, dịch thuật, phiên âm văn bản văn học Việt Nam trong đó có văn học Phật giáo Lý - Trần đã đạt những thành tựu đáng quý.

Như trên có nêu, các vị cao tăng thuộc dòng Thiền Vô Ngôn Thông đã kế tục thay nhau chép tiểu truyện các vị cao tăng thiền sư thuộc hai dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông từ lúc mới truyền thừa cho đến đầu thế kỷ XIII, đặt nhan đề là Thiền uyển tập anh, rồi cho khắc in, người đời sau khắc in lại nhiều lần, nhờ vậy mà người đọc hôm nay mới biết được hành trạng, thi kệ và ngữ lục của các vị thiền sư trước và trong thời đại Lý - Trần.

Sau chiến thắng giặc Minh xâm lược, vào thế kỷ XV, trong điều kiện đất nước độc lập tự chủ, cha ông ta đã biên soạn ba bộ hợp tuyển thơ, trong đó ít nhiều có ghi chép các tác phẩm văn học Phật giáo như: Việt âm thi tập (Tân san Việt âm thi tập) do Phan Phu Tiên biên soạn và viết lời Tựa năm 1433, nhưng mới chỉ

là bản thảo. Đến năm 1446, triều đình ra chỉ dụ cần tiếp tục hoàn chỉnh để khắc in, Chu Xa được giao nhiệm vụ bổ chính, chỉnh lý, hoàn thành vào năm 1459, đặt tên là Tân tuyển Việt âm thi tập, Lý Tử Tấn phê duyệt và viết lời Tựa rồi cho khắc in.

Tiếp theo, khoảng thập niên 60 của thế kỷ XV, Dương Đức Nhan khi còn là ‘*môn nhân*’ của Lương Như Hộc đã sưu tầm tuyển chọn thơ cách luật của các nhà, đặt tên là Tinh tuyển chư gia luật thi, chép nối những bài thơ mà Việt âm thi tập còn thiếu. Đến cuối thế kỷ XV, năm 1497, Hoàng Đức Lương biên soạn bộ Trích điểm thi tập. Đây là ba bộ hợp tuyển thơ Việt Nam đầu tiên của nước nhà được biên soạn trong thế kỷ XV, chép lại thơ từ lúc nước nhà giành lại độc lập tự chủ cho đến gần cuối đời Hậu Lê sơ (từ thế kỷ X đến gần cuối thế kỷ XV).

Bên cạnh sưu tầm ghi chép thơ, các bậc tiền nhân còn biên soạn các tuyển tập phú, tản văn, truyện dân gian. Về phú, có Quần hiền phú tập do Hoàng Tuy Phu biên soạn vào giữa thế kỷ XV, dưới triều Lê Nhân Tông (1442-1459). Tản văn có Quốc triều chương biểu tập do Trần Văn Mô biên soạn, thu thập những bài văn (khánh hạ, tạ từ, biểu...) của các quan từ năm Thuận Thiên đến năm Diên Ninh (từ 1422 đến 1459) với số lượng 341 bài.

Truyện dân gian có Việt diện u linh tập do Lý Tế Xuyên biên soạn vào nửa đầu thế kỷ XIV, từ cuối đời Trần Minh Tông (1314-1329) đến đầu đời Trần Hiến Tông (1329-1341). Lĩnh Nam chích quái lược được biên soạn vào cuối đời Trần (cuối thế kỷ XIV) thường được cho là Trần Thế Pháp biên soạn lần đầu. Văn bản được Việt dịch đang phổ biến là bản do Vũ Quỳnh và Kiều Phú biên soạn, bổ chính vào cuối thế kỷ XV (năm 1492 và 1493). Trong các tập truyện trên, có chép một số tiểu truyện về các vị thiền sư đời Lý như Đạo Hạnh, Minh Không, Không Lộ, Giác Hải và Phật Mẫu Man Nương, v.v..

Thơ văn thời đại Lý - Trần cũng đã được ghi chép khá nhiều trong các bộ chính sử như: Đại Việt sử ký (Lê Văn Hưu), Đại Việt sử ký tục biên (Phan Phu Tiên) và Đại Việt sử ký toàn thư (Ngô Sĩ Liên và các sử gia đời Lê sơ, Lê trung hưng).

Sang thế kỷ XVIII, nối tiếp tiền nhân, từ giữa thế kỷ này, Lê Quý Đôn đã biên soạn hai bộ hợp tuyển thơ văn đồ sộ: Toàn Việt thi lục và Hoàng Việt văn hải. hai bộ hợp tuyển này chép thơ văn các đời từ Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Trần cho đến giữa thế kỷ XVIII, đời Lê trung hưng. Có thể xem đây là tập đại thành về văn học Việt Nam được biên soạn dưới thời phong kiến. Nối tiếp Lê Quý Đôn, người học trò của ông là Bùi Huy Bích từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX đã hoàn thành hai bộ thi văn tuyển là Hoàng Việt thi tuyển và Hoàng Việt văn tuyển, chép thơ văn thời Lý - Trần và thời Lê - Mạc đến đầu Lê trung hưng, trong đó có thơ văn của Phật giáo. Đầu thế kỷ XIX, Phan Huy Chú với bộ bách

khoa thư Lịch triều hiến chương loại chí, trong đó mục Văn tịch chí đã cung cấp cho người đọc danh mục cùng giới thiệu sơ lược những tác phẩm thơ văn của dân tộc từ thời Lý - Trần cho đến cuối thời Lê trung hưng, trong đó có những tác phẩm thuộc bộ phận văn học Phật giáo.

Riêng về văn học năm thế kỷ đầu tính từ khi nước nhà giành lại độc lập tự chủ, chúng tôi căn cứ vào bộ Thơ văn Lý - Trần (3 tập) để khảo sát. Công trình này được Viện Văn học thực hiện trong nhiều năm, bắt đầu từ năm 1960, do hai nhà Hán học lão thành Nguyễn Đức Vân và Đào Phương Bình hoàn thành bước đầu vào năm 1965 rồi sau đó được hoàn thiện bởi các nhà nghiên cứu ở Viện Văn học do Nguyễn Huệ Chi chủ biên, dưới sự chỉ đạo đọc và duyệt bản thảo của các học giả uyên bác Đặng Thai Mai và Cao Xuân Huy.

Có thể nói bộ Thơ văn Lý - Trần là một công trình văn bản học có quy mô bề thế và tâm cỡ từ trước đến nay bởi phương pháp biên soạn khoa học, công phu và nhất quán, dù vẫn còn những sai sót về chú thích, về câu chữ văn bản, về xác định niên đại các tác giả... Các soạn giả đã sưu tập từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau (tuyển tập, sách nhà Phật, trong dân gian, ở nước ngoài...) để cho ra mặt bạn đọc một khối lượng đồ sộ 2420 trang in khổ 19 x 27 gồm 163 tác giả với 914 đơn vị tác phẩm (không kể Tập 2 Quyển hạ chưa xuất bản). Có được kết quả đó là nhờ các soạn giả đã thừa hưởng những thành tựu của sáu thế kỷ tìm tòi sưu tầm với hơn 27 bộ sách làm tài liệu gốc[4].

Những gì ở Tập 2 Quyển hạ chưa xuất bản, sẽ được bổ sung ở các sách Thiên uyển tập anh, Tam Tổ thực lục, Tam Tổ hành trạng, Thánh đăng lục, Giới Hiền thi tập của Nguyễn Trung Ngạn... Những văn bản hiện còn nghi ngờ, tranh cãi, chúng tôi vẫn sử dụng vì theo quan điểm của số đông các nhà nghiên cứu xưa nay vẫn xem đó là tác phẩm văn học của thời đại Lý - Trần, bởi lẽ việc ảnh hưởng, giao lưu, tiếp thu và biến đổi, cải biên là chuyện bình thường và có tính chất phổ biến của thời trung đại trên toàn thế giới.

Về phiên dịch, trước hết phải kể đến bản dịch Nôm Khoá hư lục của Tuệ Tĩnh (cuối thế kỷ XIV). Tiếp theo là bản dịch, diễn nghĩa quốc ngữ của Thiều Chửu: Thái Tôn hoàng đế ngự chế Khoá hư hồi nửa đầu thế kỷ XX, Nxb Hưng Long, SG, tb, 1961.

Trên Tạp chí Nam Phong, Hoàng giáp Đinh Văn Cháp đã dịch một loạt bài thơ thời Lý - Trần và cho công bố trên tạp chí này trong nhiều số liên vào năm 1927 (Tập XX, số 114, 115, 116).

Tiếp theo, Ngô Tất Tố đã dịch thơ đời Lý, đời Trần, cho xuất bản thành hai tập: Văn học đời Lý, Văn học đời Trần, Nxb Mai Lĩnh, 1942.

Tiếp theo, trước 1975, trên miền Bắc, Đào Duy Anh đã dịch và chú tác phẩm Khoá hư lục của Trần Thái Tông, kèm theo Phụ lục Thượng sĩ ngữ lục của Tuệ Trung, Nxb KHXH, HN, 1074. Ở miền Nam thì Hoà thượng Thích Thanh Kiểm đã dịch và xuất bản Khoá hư lục (hiện tái bản khoảng 10 lần).

Những tác phẩm văn học Phật giáo thời Lý - Trần cũng đã được các nhà nghiên cứu dịch lại, chú thích trong bộ Thơ văn Lý - Trần, 3 tập, như trên có nêu.

Trúc Thiên đã dịch, chú và giới thiệu Thượng Sĩ ngữ lục, Đại học Vạn Hạnh xb, SG, 1969[5].

Kế thừa thành tựu đã có, nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng đã dịch và diễn giải Ngữ lục của Tuệ Trung trong Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục diễn giải, Nxb Mũi Cà Mau, 2003.

Chung quanh vấn đề văn bản văn học Phật giáo thời Lý - Trần, có thể điểm qua một số bài viết xuất phát từ góc độ văn bản học để xác định tác giả và tìm hiểu giá trị tác phẩm, chẳng hạn:

Lê Mạnh Thát trong bài Về tác giả bài thơ “*Xuân nhật tức sự*” đã khẳng định đây là bài thơ Thiền đời Tống có ghi trong sách Cảnh Đức truyền đăng lục và tác giả của nó là thiền sư Áo Đường Trung Nhân chứ không phải là Huyền Quang[6]. Sau đó đến năm 2016, Đoàn Lê Giang đã truy tìm nguồn gốc của bài thơ này là từ bài Xuân nữ oán của Chu Giáng đời Đường. Từ đó các tác giả đời sau như Áo Đường Trung Nhân đời Tống, Nam Tảo Mậu đời Nguyên, Huyền Quang đời Trần viết lại theo lối “*nghe cổ*” (mô phỏng người xưa) từ bài thơ của Chu Giáng[7].

Hà Văn Tấn trong Vấn đề văn bản học các tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam[8] đã nêu lên một số ý kiến xung quanh các văn bản văn học Phật giáo bằng một thái độ hoài nghi khoa học, về các tác phẩm như Lý hoặc luận, hay truyện Tịnh Không, truyện Nguyên Học chép trong Thiền uyển tập anh có điểm giống với truyện Giáp Sơn, truyện Huệ Tư trong Cảnh Đức truyền đăng lục (Trung Quốc) và bài Ngôn hoài của Dương Không Lộ đời Lý lại giống với bài của Lý Tường[9] viết về tiếng cười của thiền sư Duy Nghiễm cũng in trong sách truyền đăng nêu trên.

Sau đó, trên Tuần báo Văn nghệ, báo Giáo dục thời đại có ý kiến muốn phủ nhận bài Ngôn hoài của Không Lộ. Trong tình hình đó, Nguyễn Đình Chú trong Dạy sách giáo khoa thí điểm trung học chuyên ban lớp 10 môn Văn[10], mục II, tác giả có đặt lại vấn đề bài thơ Ngôn hoài với dẫn chứng và lý lẽ đầy sức thuyết phục rằng hiện tượng Ngôn hoài của Không Lộ với bài thơ của Lý Tường (đọc đúng phải là Lý Cao/Ngao) không phải là hiện tượng cá biệt trong đời sống văn

học trung đại Việt Nam, vì nằm trong quy luật giao lưu văn hóa văn học, không xa lạ với lịch sử văn học thế giới.

Ý kiến này được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình. Trong một bài viết khác Về bài thơ Ngôn hoài của Không Lộ thiền sư: chuyện rắc rối và cách đối xử[11], tác giả đã đối chiếu nguyên tác bài thơ của Không Lộ với bài thơ của Lý Cao để chỉ ra nét đặc sắc trong bài thơ của Không Lộ, đó là cái lớn lao, cái khát vọng phi thường, khát vọng hòa nhập vũ trụ.

Nguyễn Phạm Hùng trong Dương Không Lộ - thiền sư thi sĩ[12] thì khẳng định việc vay mượn, ảnh hưởng là lẽ tất yếu, tự nhiên trong thời trung đại, nên Ngôn hoài vẫn là của Không Lộ thiền sư.

Trần Đình Sử trong Những thể giới nghệ thuật thơ đã nêu phương pháp tiếp cận thơ Thiên nói chung, bài Ngôn hoài nói riêng. Vấn đề là *“phải hiểu ý nghĩa biểu trưng của nó”* và *“không nên hiểu thơ Thiên như thơ thông thường”* [13].

Nguyễn Khắc Phi trong bài Quanh nguồn tư liệu hiện có liên quan đến bài Ngôn hoài của Không Lộ thiền sư[14] đã đính chính tác giả bài thơ viết về tiếng cười của Duy Nghiễm là Lý Cao chứ không phải Lý Tường. Tác giả đồng ý với ý kiến của Nguyễn Đình Chú, rồi phân tích chữ nghĩa văn bản, nội dung tư tưởng bài thơ để kết luận *“Ngôn hoài là bài thơ xuất sắc của Không Lộ và của văn học trung đại Việt Nam”*.

Nguyễn Đăng Na đã khảo sát giải mã văn bản bài Vương lang quy từ. Để khôi phục bài từ đúng như diện mạo của nó, tác giả đã đọc lại toàn bộ Tổng từ theo điệu Nguyễn lang quy, đối chiếu câu chữ từng bài bằng một thao tác rất khoa học và công phu, khúc triết. Bài từ theo điệu Nguyễn lang quy chính thể có 8 câu với 47 chữ. Bài từ chép trong sách Thiền uyển tập anh có 49 chữ; còn trong Đại Việt sử ký toàn thư thì có 48 chữ, mà theo Nguyễn Đăng Na bài từ này được viết theo biến thể tăng nên phải có 50 chữ[15]. Đến năm 2011, nhân kỷ niệm 1000 năm Khuông Việt quốc sư, nhà nghiên cứu Nguyễn Công Lý đã căn cứ vào hai văn bản của bài từ được chép trong hai bộ sách trên đã đưa ra một văn bản bài từ khúc theo lối chính thể gồm 47 chữ, và đề nghị gọi nhan đề bài từ này là Nguyễn lang quy từ[16]

Riêng về bài Vương lang quy từ, nếu trước đây trong công trình Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm (2000), Nguyễn Công Lý đã đồng tình với ý kiến của Nguyễn Đăng Na, thì năm 2011, nhân Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 1000 năm Quốc sư Khuông Việt, nhà nghiên cứu này đã đề xuất văn bản của bài từ theo lối chính thể, tức 8 câu 47 chữ, và đề nghị gọi tên bài từ theo điệu thức của nó: Nguyễn lang quy từ trong bài Khuông Việt Quốc sư với

vương triều Đinh - Lê. Cũng trong Hội thảo khoa học này, Nguyễn Công Lý còn có bài Ý chỉ đoạn Ngũ lục và bài kệ Thị tịch của Khuông Việt thiền sư. Về sau cả hai bài đều công bố trên các tạp chí[17].

Trong một bài viết khác, Nguyễn Đăng Na đã giải mã đoạn kết truyện Vô Ngôn Thông chép trong sách Thiền uyển tập anh, bằng cách thống kê, đối sánh và phân tích cách ghi năm tháng trong tập sách này để làm sáng tỏ một chi tiết mà hơn nửa thế kỷ nay, các nhà nghiên cứu bậc thầy đều cho là “*sách chép sai*” hoặc “*câu văn tối nghĩa*”. Đó là hai chữ “*khai hựu*”, cùng con số 24, 28 năm trong đoạn kết truyện, mà theo Nguyễn Đăng Na, ‘*khai hựu*’ không phải là danh từ riêng - tên niên hiệu của vua Trần Hiến Tông từ năm 1329 đến năm 1341, mà từ này có nghĩa là ‘*bắt đầu*’, tức sau khi sư tịch khoảng 24 hay 28 năm, đệ tử mới bắt đầu lấy cốt làm lễ trà tỳ rồi nhập thất[18].



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

2.2. Thành tựu nghiên cứu, định giá những giá trị văn học Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần

Đây là mảnh đất có sức thu hút số đông các nhà nghiên cứu, đã có nhiều công trình, bài báo viết về vấn đề này, nhưng nhìn chung thường chỉ được khai phá bước đầu và thành tựu nghiên cứu có thể nói là chưa tương xứng so với tầm vóc đồ sộ và bề thế của văn học Phật giáo thời Lý - Trần. Người đặt nền móng đầu tiên, có ý thức nêu lên vấn đề để tìm hiểu phải kể đến công lao cùng đóng góp to lớn của Nguyễn Đổng Chi trong công trình Việt Nam cổ văn học sử (1942)[19] mà trước đây nhiều nhà nghiên cứu thường lấy làm chỗ dựa quan trọng khi biên soạn lịch sử văn học cổ. Trong công trình của mình, Nguyễn Đổng Chi đã trình bày tiến trình văn học theo từng triều đại phong kiến.

Ở mỗi triều đại, tác giả dựng lại bối cảnh lịch sử, từ đó trình bày và phân tích văn học theo loại hình thể loại. Đặc biệt, lần đầu tiên, tác giả đã nêu một cách khái quát về văn học trước khi nước nhà giành được độc lập, để lý giải vì sao văn học thời Lý - Trần phát triển mạnh và có nhiều thành tựu (vấn đề này, các bộ văn học sử sau này không đặt ra để nghiên cứu). Riêng về văn học Phật giáo Lý - Trần, do tư liệu bấy giờ còn hạn chế nên tác giả chỉ điểm qua khi trình bày văn học thời Ngô, Đinh, Lê (chương VII), thời Lý (chương IX) thời Trần (chương X).

Tiếp theo, phải kể đóng góp của Ngô Tất Tố qua hai công trình biên soạn, dịch thuật: Văn học đời Lý, Văn học đời Trần (1942). Trước khi cung cấp và dịch văn bản, soạn giả đã dành một số trang giới thiệu thành tựu văn học của các triều đại này[20].

Hơn nửa thế kỷ qua, các nhà nghiên cứu ít nhiều có chú ý đến văn học Phật giáo Lý - Trần. Đặc biệt, vài năm trở lại đây vấn đề này lại được quan tâm nhiều hơn qua các hội thảo, tọa đàm khoa học và lần đầu tiên Viện Văn học thông qua Tạp chí Văn học của Viện đã dành trọn hai chuyên san về văn học Phật giáo số 4-1992 và số 5-1999.

Có thể khái quát tình hình nghiên cứu này theo ba dạng sau:

Một là, khi nghiên cứu, các tác giả có điểm qua hoặc phẩm bình đôi lời về văn học Phật giáo Lý - Trần. Chúng tôi tạm gọi là dạng miêu tả, liệt kê. Dạng nghiên cứu này được thể hiện qua các công trình, các tiểu luận của các nhà nghiên cứu như Hoàng Xuân Hãn[21], Mật Thể[22], Trần Trọng Kim[23], Lê Văn Siêu[24], Nguyễn Duy Cần[25], Nguyễn Đăng Thục[26], Thích Mãn Giác[27], Trần Văn Giàu[28], Nguyễn Hữu Lợi[29], Tạ Ngọc Liễn[30], Nguyễn Duy Hinh[31], Nguyễn Huệ Chi[32], Nguyễn Thế Đăng[33], Thích Phước Sơn[34], Lê Anh Dũng[35], và trong các công trình tập thể của Viện Sử học[36], Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam[37], Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ)[38]...

Đặc biệt, công trình Thiền học đời Trần gồm 28 bài của nhiều tác giả do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành (1995), trong đó có những bài đáng chú ý của các tác giả như Thích Phước Sơn: Trần Thái Tông – đời đạo lương toàn; Trúc Lâm sơ Tổ; Nhị Tổ Pháp Loa; Nguyên nhân nào làm cho các vua đầu đời Trần hưng thịnh. Minh Chi với các bài: Bàn về cảnh giới giác ngộ của Trần Thái Tông; Giá trị lịch sử bài Thiền tông chỉ nam tự; Con người Tuệ Trung Thượng Sĩ; Vua Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; Thơ Huyền Quang; Bàn về sắc thái đặc biệt Thiền học Trần Thái Tông và Phật giáo đời Trần; Vài ý kiến góp phần tổng kết Phật giáo đời Trần.

Thích Thanh Từ viết các bài: Tuệ Trung Thượng Sĩ; Tinh thần siêu phàm của Tuệ Trung Thượng Sĩ; Thiền Trúc Lâm qua vấn đáp; Thiền Trúc Lâm qua thơ văn chữ Hán; Vài nét đặc thù của thiền sư Pháp Loa; Những nghi vấn về thiền sư Huyền Quang; Nhận định những ưu khuyết của Thiền phái Trúc Lâm. Thích Minh Tuệ với các bài: Chất Thiền nơi Tuệ Trung Thượng Sĩ; Những đóng góp cho Phật giáo Việt Nam của thiền sư Pháp Loa và thiền sư Huyền Quang; Thiền sư Huyền Quang – một nhà thơ lớn.

Nguyễn Thế Đăng có bài: Ý nghĩa tích cực của đời sống trong cái nhìn của các thiền sư đời Trần. Ngô Văn Lệ có bài: Thử tìm hiểu nguyên nhân phát triển của đạo Phật đời Trần. Nhìn chung những bài viết này đã lý giải những nhân tố là làm nên giá trị tư tưởng của Thiền học Việt Nam nói chung, Thiền học đời Trần (Trúc Lâm Yên Tử) nói riêng, mà nhà vua thiền gia Trần Thái Tông là người khơi nguồn, là bố đốc sáng của Thiền học Việt Nam. Từ đó, cháu nội của Ngài là Phật hoàng Trần Nhân Tông kế thừa và phát triển, nói theo ngôn ngữ nhà Thiền là *‘truyền đăng tục diệm’*, rồi truyền thừa cho Pháp Loa, Huyền Quang...

Nghiên cứu Phật giáo thời Lý - Trần dưới góc độ tư tưởng - triết học và lịch sử thì có công trình của Nguyễn Hùng Hậu: *Lược khảo tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam*, Nxb KHXH, HN, 1997; của Trương Văn Chung: *Tư tưởng triết học của Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 1998. Hai công trình này thông qua cuộc đời hành trạng và tác phẩm hiện còn của các vị đặt nền móng và các vị phát triển Thiền phái để nêu lên tư tưởng triết học của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Chính tư tưởng của Thiền phái đã góp phần làm nên lịch sử Đại Việt trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Lê Mạnh Thát đã cho xuất bản các công trình dày dặn: *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2000; *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2004; *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập 3, Tập 4, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2005... Ở đây, bên cạnh khảo sát nội dung tư tưởng của Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông; hay trình bày diễn trình phát triển của lịch sử Phật giáo Việt Nam, thì điều đáng quý là trong những công trình trên, nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát đã phiên âm, dịch nghĩa toàn bộ các tác phẩm hiện còn của Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, đồng thời in kèm nguyên tác chữ Hán các tác phẩm hiện còn của các vị hoàng đế thiền gia này.

Trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3 -2002 có bài Trần Nhân Tông – Đức Pháp vương của Việt Nam thế kỷ XIII của Nguyễn Thị Quế. Pháp vương (Dharma Raja) là khái niệm để tôn vinh Đức Phật. Phật là vị Vua Pháp (Pháp vương) tối cao, tối thượng, tối thắng, khái niệm này là y cứ vào kinh Diệu pháp Liên hoa. Bài viết dùng danh hiệu này để tôn vinh Phật hoàng Trần Nhân Tông là vị Pháp vương

của Việt Nam, làm rạng rỡ cho Phật giáo Việt Nam.

Cũng bàn về Trần Nhân Tông, nhà nghiên cứu Lê Cung có bài Thêm một số suy nghĩ về sự nghiệp của Trần Nhân Tông, đăng trên Nguyệt san Giác Ngộ, số 97, 2004. Dưới góc nhìn lịch sử, bài viết trình bày sự nghiệp tư tưởng của Trần Nhân Tông trong công cuộc giữ nước và dựng nước là nhờ sự kết hợp giữa tư tưởng yêu nước với tư tưởng Thiền học Đại Việt.

Công trình Trần Nhân Tông - Vị vua Phật Việt Nam, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2004, là tuyển tập nhiều bài viết của nhiều tác giả. Các tác giả viết về Phật hoàng từ nhiều góc độ khác nhau: Phật hoàng, Pháp vương, Thiền sư, Nhà tư tưởng, Nhà văn hoá, Nhà thơ,... dù vậy đều có một điểm chung là tư tưởng và hành động của Ngài là tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm chủ trương đã góp phần làm nên Phật giáo Đại Việt, tư tưởng và văn hoá Đại Việt trong dòng chảy tư tưởng và văn hoá Việt Nam.

Nhân kỷ niệm 700 năm ngày Phật hoàng nhập diệt, Giáo hội Phật giáo Việt Nam kết hợp với Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức Hội thảo khoa học **“Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông: cuộc đời và sự nghiệp”** tại Quảng Ninh ngày 26-11-2008. Tập kỷ yếu chọn in 81 bài viết. Những bài viết này tập trung vào nhiều chủ đề.

Ở đây qua các bài viết, các nhà nghiên cứu không coi văn học là đối tượng chính để khảo sát mà chỉ thông qua văn học để tìm hiểu lịch sử, tư tưởng triết học Phật giáo, hoặc dùng văn học để minh họa cho tư tưởng triết lý. Cho dù các tác giả không đề cập cụ thể nhưng ít nhiều cũng giúp cho chúng tôi rõ thêm về diện mạo và đặc điểm của văn học Phật giáo Lý - Trần.

Hai là, khi nghiên cứu về lịch sử tư tưởng triết học, lịch sử văn học, các tác giả ít nhiều có trực tiếp đề cập đến văn học Phật giáo Lý - Trần. Chúng tôi tạm gọi đó là dạng đan xen. Có thể gặp dạng nghiên cứu này ở các tiểu luận đăng trên các tạp chí như: Tạp chí Nghiên cứu lịch sử (Viện Sử học), Tạp chí Triết học (Viện Triết học), Tạp chí Văn học (Viện Văn học) ở Hà Nội, Tạp chí Tư tưởng và Tạp chí Văn Học của Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn trước 1975. Trong các bộ văn học sử của: nhóm Lê Quý Đôn[39], nhóm Văn - Sử - Địa[40], Trường Đại học Sư phạm Hà Nội[41], Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội[42], Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam[43]. Ở các công trình, tiểu luận vừa nêu, các tác giả chỉ khai thác tìm hiểu thơ Thiền, còn mảng văn xuôi thì ít được quan tâm đến. Có thể nêu lại một số nhận định có liên quan đến văn học Phật giáo Lý - Trần ở các công trình, tiểu luận trên như sau:

Nguyễn Đông Chi trong Việt Nam cổ văn học sử (1942) đã trình bày tổng quan về văn học Phật giáo như đã nêu ở trước[44].

Ngô Tất Tố trong Văn học đời Lý và trong Văn học đời Trần (1942) trước khi cung cấp văn bản nguyên tác và bản dịch, tác giả đã có những đánh giá về văn học giai đoạn này trong phần giới thiệu tổng quan, mà ở trên chúng tôi có nhắc đến[45].

Dương Quảng Hàm trong Việt Nam văn học sử yếu (1943) cho rằng: *“các vị sư đều là những người thâm Nho học, có nhiều vị làm thơ... Có nhiều tập thơ văn nói về giáo lý đạo Phật”*[46].

Phạm Thế Ngũ trong Việt Nam văn học sử giản ước tân biên (1961)[47], phần II, Văn học lịch triều: Hán văn đã trình bày sự phát triển văn học theo hệ thống thể loại: thi văn, truyện ký, công văn, sử ký, biên khảo. Khi miêu tả, phân tích dù là đại lược, tác giả đã có đôi nét về các tác phẩm thuộc văn học Phật giáo thông qua các thể loại đó.

Bùi Văn Nguyên trong Lịch sử văn học Việt Nam, tập 2 (thế kỷ X - XVII), phần *“Văn học viết từ thế kỷ X - XIV”*, có nhận xét *“Thơ Thiên đời Lý mang nặng ý thức hệ Phật giáo Thiên tông”, “nội dung đạo Thiên ở ta đã biến thiên cho phù hợp với thực tiễn địa phương. Chính nhờ vậy mà các nhà sư ở ta đã có tác dụng tích cực trong việc xây dựng nên độc lập buổi đầu”, “điểm thú vị là các nhà sư thường trở thành nhà thơ và có tâm hồn rung động trước cảnh vật và lòng người”, thơ văn của các nhà sư “biểu lộ tư tưởng tự do phóng khoáng”, “hoài nghi đường lối tu hành”, “vượt ra ngoài khuôn khổ của triết lý Thiên tông”, “biểu hiện tinh thần yêu nước, chống xâm lăng”...*

Về văn học Phật giáo đời Trần, tác giả nhận xét *“Phật học đời Trần cũng có những tư tưởng độc đáo, không rập khuôn theo phương Bắc”, “văn học đời Trần mở đầu loại văn bút chiến và văn chương phê bình”, “các vua đời Trần thường là thi nhân hơn là thiền sư”*[48]. Những ý kiến, nhận định trên, một lần nữa người đọc lại bắt gặp trong giáo trình Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII xuất bản 1989 cũng do Bùi Văn Nguyên chủ biên[49].

Đinh Gia Khánh trong khi nêu tiến trình của lịch sử văn học có điểm qua văn học Phật giáo Lý - Trần trong Văn học cổ Việt Nam (2 tập, 1964)[50]; còn trong lời giới thiệu *“Tám thế kỷ của tiến trình văn học”* trong bộ Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, Tập 2[51], tác giả đã nhận định về thơ Thiên Lý - Trần: *“bên cạnh ý nghĩa triết học và tôn giáo, nhiều bài thơ lại có ý nghĩa nhân sinh và giá trị văn học”, “những ảnh hưởng trên (Nho, Phật, Lão) không hề làm lu mờ tinh thần dân tộc”, “chính hào khí tiếp thu được từ cuộc chiến đấu của dân tộc lại khiến*

các tác giả uốn nắn và nâng cao nội dung của những tư tưởng ấy để phù hợp với yêu cầu phản ánh thiên nhiên, xã hội và con người trong nước Đại Việt độc lập, tự cường”.

Trong giáo trình Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII, Tập 1, phần 2: Văn học từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIV[52], tác giả dành nhiều trang viết về văn học giai đoạn này, trong đó có những ý kiến về văn học Phật giáo đời Lý như: *“Văn học đời Lý mang nặng ảnh hưởng Phật giáo... dù rằng đa số tác giả là nhà sư, nhưng văn học đời Lý không phải chỉ là văn học Phật giáo”, “ngay trong các tác phẩm văn học Phật giáo đời Lý thì nhiều khi vẫn tìm thấy những nội dung liên quan đến việc xây dựng nhân phẩm và có ý nghĩa tích cực”, “văn học Thiên tông đời Lý đâu sao không phải lúc nào cũng thuần túy. Nhiều nhà sư Thiên tông mà tu luyện theo giới luật Mật tông”, “Cơ sở tư tưởng của văn học Thiên tông đời Lý là ở quan niệm phiến thân luận”, “sự hòa đồng giữa con người và thiên nhiên là cơ sở cho những tú thơ độc đáo và những hình tượng thơ rất sinh động. Thiên nhiên được miêu tả với tình cảm thấm thiết và niềm lạc quan yêu đời, thể hiện thái độ an nhiên tự tại, bản lĩnh vững vàng, tự tin của con người”, “văn học đời Lý mở đầu những truyền thống lớn của dòng văn học viết” và “văn học Thiên tông có vị trí nhất định; thơ Thiên gần bó với đời sống dân tộc”.*

Về văn học Phật giáo đời Trần, tác giả đã nhận định: *“xét về mặt học thuật đời Trần, trước hết phải nói đến những trước tác về Phật học”, “văn học đời Trần với quan niệm tam giáo đồng nguyên, đồng thời xuất hiện xu hướng phân công giữa Phật và Nho”, “thơ của các vị vua tu Thiên, các nhà sư thể hiện một niềm yêu đời, yêu thiên nhiên tha thiết”.* Bên cạnh, tác giả còn đi sâu phân tích một số tác phẩm thuộc bộ phận văn học Phật giáo như các bài ca, bài phú chữ Nôm, các tác phẩm văn xuôi chữ Hán như Thiên uyển tập anh, Tam Tổ thực lục.

Phạm Văn Diêu trong Hai trăm năm lịch sử văn học đời Lý[53] đã đề cập những nét chung của văn học đời Lý và liệt kê, miêu tả có tóm tắt nội dung các tác phẩm của 52 tác giả; Trong Văn học đời Trần - Hồ[54], tác giả đã giới thiệu văn học thời này theo hệ thống thể loại: văn sử ký viết trong nước; văn sử ký của người Việt viết ở Trung Hoa, văn truyện cổ, văn bi ký tựa, văn lý luận phê bình, văn nghị luận chính trị.

Đặng Thai Mai trong bài viết Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học[55] đã đề cập đến thái độ tích cực lạc quan trong các bài thơ Thiên, của các nhà thơ Thiên và một đạo Phật khoan dung cởi mở, từ đó sinh ra những nhà thơ có bản lĩnh, có tâm hồn phóng khoáng và giàu chất nhân bản; những bài thơ Thiên độc đáo, có khí sắc, đạo nhưng rất đời.

Nguyễn Phạm Hùng trong luận án Phó Tiến sĩ Vận dụng quan điểm thể loại vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam thời Lý - Trần[56], ở mục C, tác giả đã khảo sát văn học Lý - Trần theo 5 thể loại: thơ, chiếu, hịch, phú, truyện. Trong đó có một chương tác giả trình bày về thơ Thiền đời Lý: về tên gọi, nội dung khái niệm, phân loại thơ Thiền, tư tưởng “*hòa quang đồng trần*”, tính tượng trưng, ước lệ, con người trong thơ Thiền.

Cũng ở dạng nghiên cứu theo trạng thái vừa nêu, có thể kể thêm một số công trình, bài viết của Trần Thị Bằng Thanh[57], Bùi Văn Nguyên[58], Nguyễn Huệ Chi[59], Nguyễn Phạm Hùng[60], Nguyễn Công Lý[61]... Trong các bài viết đó khi phân tích, đánh giá về thơ văn Lý - Trần, ít nhiều các tác giả có đề cập đến văn học Phật giáo thời này bởi nó là một bộ phận văn học không nhỏ góp phần làm nên diện mạo cả thời đại văn học mở đầu văn học viết Việt Nam. Khác với dạng nghiên cứu trước, ở dạng này, các tác giả đã xem văn học Phật giáo Lý - Trần với tư cách là một đối tượng văn học để nghiên cứu trực tiếp.

Rất tiếc là, các tác giả chỉ nêu vài nét đại lược chứ chưa trình bày đầy đủ về diện mạo, đặc điểm của văn học Phật giáo Lý - Trần. Nguyễn Công Lý trong chuyên khảo Văn học Việt Nam thời Lý - Trần (2013), NXB ĐHQG TP.HCM, 2018, đã trình bày chuyên sâu về thời đại xã hội tác động đến văn học, các khuynh hướng văn học, hệ thống thể loại, tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn này, trong đó có bộ phận văn học Phật giáo.

Ba là, các nhà nghiên cứu đã tìm hiểu trực tiếp thơ Thiền Lý - Trần, văn học Thiền Lý - Trần, văn học Phật giáo Lý - Trần hoặc tìm hiểu về nội dung, hoặc đi sâu về nghệ thuật, cũng có khi tìm hiểu cả hai mặt. Chúng tôi tạm gọi hướng nghiên cứu này là dạng biệt lập. Qua các công trình, các tiểu luận đã công bố, hầu như các tác giả thường chủ yếu tìm hiểu mảng thơ, còn mảng văn xuôi của bộ phận văn học này thì ít được chú ý. Có thể nêu ra đây một số công trình tiêu biểu như:

Kiều Thu Hoạch trong Tìm hiểu thơ văn các nhà sư Lý - Trần[62] đã cho thấy rằng bên cạnh thơ văn đề cao ý thức tự cường dân tộc, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm, còn có thơ văn của các thiền sư. Thơ văn này có nhiều yếu tố siêu thoát, nhưng nó cũng là một hiện tượng khá đặc biệt trong lịch sử văn học. Thời Lý - Trần là thời kỳ phồn thịnh nhất của đạo Phật nên có nhiều nhà sư nổi tiếng về văn học.

Các thiền sư hay làm thơ và có thơ hay; trong kệ, chất thơ cũng bàng bạc, giáo lý đạo Phật được trình bày khá bóng bẩy, sinh động, giàu nghệ thuật. Tác giả đã chia thơ văn thiền sư làm hai loại: Một là thơ văn nhằm mục đích tôn giáo nhưng giữa tư tưởng siêu thoát lại lóe lên những tia sáng lạc quan yêu đời,

mang hơi thở của con người; Hai là, những sáng tác văn học thật sự, thể hiện tâm tình, ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, mang nhân tố tích cực và ngược lại với giáo lý đạo Thiên.

Minh Chi trong Thơ Thiên đời nhà Lý[63] đã tìm hiểu những vấn đề triết học được thể hiện trong thơ Thiên đời Lý như vũ trụ quan, nhân sinh quan, chân lý là gì, chân lý ở đâu, sinh tử, sắc không, hữu vô...

Phạm Ngọc Lan qua bài Chất trữ tình trong thơ Thiên đời Lý[64] đã đề cập đến niềm say sưa yêu mến cuộc sống của nhà thơ thiên sư và kết luận, thơ Thiên đời Lý đã phản ánh vẻ đẹp nên thơ hữu tình của thiên nhiên.

Nguyễn Phạm Hùng trong bài Thơ Thiên và việc lĩnh hội thơ Thiên[65] đã chú ý đến tính trực giác của thơ Thiên. Thơ Thiên có hai yếu tố: mặt vật chất là cái tượng trưng, còn triết lý là cái được tượng trưng. Nhưng giá trị thẩm mỹ của thơ Thiên lại nằm ở mặt vật chất của hình tượng thơ. Bên cạnh, tác giả còn đề cập đến tính cởi mở, tinh thần khai phóng của thơ Thiên đời Lý.

Trần Thị Bằng Thanh trong Thử phân định hai mạch cảm hứng trong dòng văn học Việt Nam mang đậm dấu ấn Phật giáo[66] đã nêu ý kiến có nên dùng khái niệm “dòng” trong “dòng thơ Thiên đời Lý”, “dòng văn học Phật giáo đời Trần” như các nhà nghiên cứu trước đây thường đề cập hay không? Nếu có thì căn cứ vào tiêu chí nào để phân biệt? Tác giả đã dùng khái niệm “bộ phận văn học mang đậm dấu ấn Phật giáo” và cho rằng bộ phận văn học này có hai mạch cảm hứng: Một là, những tác phẩm trực tiếp bàn giải về triết học, giáo lý và cả biện pháp tu hành; Hai là, những khái niệm, những nội dung triết học sâu sắc của đạo Phật, cả cảnh già lam chỉ là những gợi ý, những luồng ánh sáng để tiếp dẫn thi nhân cảm hứng về cuộc đời sâu sắc hơn. Từ sự phân định trên, bài viết đã dùng thơ văn Thiên thời Lý - Trần để lý giải phân tích.

Đoàn Thị Thu Vân qua thống kê để phân loại, tìm hiểu và đưa ra những nhận xét về ngôn ngữ thơ Thiên[67], tìm hiểu quan niệm con người trong thơ Thiên Lý - Trần[68] và trong luận án Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ Thiên Việt Nam thế kỷ XI - XIV[69] đã đề cập đến ngôn ngữ thơ Thiên, hình tượng con người, hình tượng thiên nhiên ngoại vật, không gian nghệ thuật, thể thơ, kết cấu, cách miêu tả, giọng điệu, và so sánh đặc trưng nghệ thuật thơ Thiên Lý - Trần với thơ Nho cùng thời, với thơ Thiên Trung Quốc, Nhật Bản.

Nhìn chung, tác giả cho rằng thơ Thiên Lý - Trần là sản phẩm kết hợp của nền triết học giàu chất tự do phóng khoáng và một thời đại đậm tính nhân văn nên đã đem lại nhiều nét độc đáo, mới mẻ cho thơ ca dân tộc. Đó là thế giới nghệ thuật đầy sức thu hút, có xu hướng vươn tới không gian và thời gian vô hạn đạt

sự hợp nhất. Các thiền sư là những con người nhập thể giúp đời. Thơ Thiền với hệ thống ký hiệu nghệ thuật khác hẳn thơ Nho, đã phá cái nhìn nhị nguyên và con người trong thơ Thiền là con người phá chấp, đạt đạo, hòa với đời.

Nguyễn Công Lý trong công trình Bản sắc dân tộc trong văn học **Thiền tông thời Lý - Trần**[70] đã đi từ việc tìm hiểu khái niệm Thiền tông, văn học Thiền tông đến tìm hiểu nét đặc sắc của Thiền học Việt Nam làm cơ sở nghiên cứu bản sắc dân tộc trong văn học Thiền qua thơ văn viết về tư tưởng Thiền, về thiên nhiên và con người cuộc sống với tinh thần lạc quan, phong cách bình thản tin tưởng, cuối cùng xác định vị trí và những đóng góp của văn học Thiền Lý - Trần trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam; Còn trong các bài viết khác, tác giả đã tìm hiểu mối quan hệ giữa Phật giáo với văn học[71]; hay lý giải và chứng minh có một kiểu tư duy nghệ thuật trực cảm tâm linh trong văn chương, mà văn học Phật giáo, nhất là kệ và thơ Thiền là minh chứng[72].

Tiếp theo, trong công trình Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm (1998), NXB ĐHQG TP.HCM, 2002, tái bản 2004, 2005, 2006, bổ sung 2016, lần đầu tiên trong học giới, Nguyễn Công Lý đã đi sâu nghiên cứu toàn diện và đầy đủ về diện mạo và đặc điểm của văn học Phật giáo Việt Nam trong ngót năm thế kỷ này.

Ở dạng nghiên cứu theo trạng thái biệt lập này còn rất nhiều bài viết đi sâu vào những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của bộ phận văn học Phật giáo để phát hiện những nét độc đáo và mới mẻ về tư tưởng, về nghệ thuật như:

Một số bài viết của nhà nghiên cứu Trần Thị Băng Thanh đã công bố trên các báo, tạp chí, sau đó được tập hợp in trong công trình Những nghĩ suy từ văn học trung đại, Nxb KHXH, HN, 1999, như bài Trần Nhân Tông: cuộc đời và thơ đã khẳng định con người Trần Nhân Tông là con người hành động yêu nước thương dân, ngay cả khi xuất gia trở thành Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm cũng vậy.

Sự kết hợp Đạo và Đời trở thành “*nhà thơ có phong cách*”, và “*cũng là đỉnh cao*”; bài Huyền Quang: những trang đời nhiều huyền thoại – những vần thơ nhiều hàm nghĩa[73] đã lý giải những “*điểm mờ*” về hành trạng: Huyền Quang có đỗ Trạng nguyên hay không, làm quan bao lâu, xuất gia năm nào, nghi án về mối quan hệ với Điểm Bích qua các ý kiến bàn về khía cạnh mỹ cảm của câu chuyện, bên cạnh, người viết còn chỉ ra giá trị văn học qua những vần thơ tuyệt tác, đa nghĩa, đầy tâm trạng mang dấu ấn mỹ học Thiền.

Đỗ Văn Hỷ trong bài viết Câu chuyện Huyền Quang và cách đọc thơ Thiền[74] đã nêu lại chuyện oan tình của Huyền Quang. Tác giả đã đồng ý với ý kiến của Kiều Thu Hoạch[75], của Trần Thị Băng Thanh[76], tức Huyền Quang chẳng oan

tình gì. Trên cơ sở đó, bài viết nêu lên một khía cạnh nhỏ về thủ pháp biểu hiện của thơ Huyền Quang và cách tiếp nhận thơ Thiền.

Nguyễn Huệ Chi trong Trần Tung - Một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền thời Lý - Trần[77] đã khẳng định Tuệ Trung Thượng Sĩ chính là Trần Tung chứ không phải là Trần Quốc Tảng như trong một thời gian rất dài mọi người đã nhầm lẫn[78] (Thật ra, trước đó mấy năm, vấn đề này đã được Nguyễn Lang Thích Nhất Hạnh là người đầu tiên phát hiện Tuệ Trung Thượng Sĩ là Trần Tung, công bố năm 1972 tại Pháp, sau đó nhắc lại trong công trình Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 1, Lá Bối, SG, 1973). Bài viết còn nhận xét về nét đặc sắc trong thơ văn Trần Tung qua Thượng Sĩ ngữ lục, Tụng cổ... đó là ý thức về bản ngã, về sự tự do tự tại của một nhà tư tưởng, một nhà duy lý ẩn náu trong con người Thiền. Ông là con người vừa Nho, vừa Phật, vừa Lão - Trang.

Nguyễn Phương Chi với bài Huyền Quang, nhà sư thi sĩ[79] thì cho rằng cái cốt lõi của Huyền Quang không phải là con người Thiền mà chính là con người thi sĩ. Thiền sư chỉ là cái vỏ, là hình thức cho con người thi nhân sống thực, cảm xúc thực đầy sáng tạo.

Mai Quốc Liên trong bài Các nhà thơ đời Trần[80] đã đề cập đến những điểm cơ bản của mỹ học Thiền: vắng lặng, hư tịch, phản ánh chân như của vũ trụ theo quan điểm Phật giáo. Từ đó nêu ra những đặc trưng trong thơ Thiền của Trần Nhân Tông, của Huyền Quang.

Nguyễn Huệ Chi với bài Mãn Giác và bài thơ Thiền nổi tiếng của ông[81] đã tiếp cận và khai thác bài thơ trên góc độ triết lý Thiền và trên góc độ của cảm xúc thực tiễn. Nhờ thế, tác giả đã chỉ ra nét đặc sắc của bài kệ, vấn đề không chỉ ở sự tuân hoàn theo quy luật sinh hóa của vạn pháp mà là ở sự đổi mới, ở cái sinh sôi nảy nở.

Thích Thanh Từ trong bài Thiền Trúc Lâm qua vấn đáp[82] đã giải thích ý chỉ của Trúc Lâm đệ nhất Tổ trong những câu đối đáp về Phật về Thiền với các đệ tử; trong bài Thiền Trúc Lâm qua thơ văn chữ Hán[83], tác giả đã nhận xét về hồn thơ, về chất Thiền độc đáo, đậm sắc màu dân tộc thơ Trần Nhân Tông. Còn trong bài Tinh thần siêu phóng của Tuệ Trung Thượng Sĩ[84] thì tác giả tìm hiểu về Đối cơ và Thi tụng của Tuệ Trung để chứng minh tinh thần siêu phóng của ông; giữa đời mà vẫn ung dung, tu tập Thiền định, hành đạo và hóa đạo ngay trong gia đình làng xã, trong vòng tay thế thiếp vây quanh.

Thích Minh Tuệ qua bài Chết Thiền nơi Tuệ Trung Thượng Sĩ[85] đã ngợi ca phẩm chất Thiền thể hiện từ con người, phong cách sống đến tư tưởng của Tuệ Trung.

Minh Chi trong Thơ Huyền Quang[86] thì không đồng ý với ý kiến của Nguyễn Phương Chi[87] là con người thi nhân rõ nét hơn con người tôn giáo. Tác giả cho rằng thơ Huyền Quang mang đậm nét trữ tình mà văn chương Phật giáo không phải là văn chương khô khan, thiếu trữ tình. Các thiền sư không phải là con người lạnh lùng, không cảm xúc. Thơ văn là trực cảm, cảm xúc với người với cảnh và với bản thân mình. Đó không phải là cái ta hời hợt mà là cái ta đại ngã mà bậc giác ngộ cảm nhận là cùng một bản thể với chúng sinh, vạn vật.

Thích Minh Tuệ trong Thiền sư Huyền Quang, một nhà thơ lớn[88] thì cho rằng Huyền Quang vừa là thiền sư ngộ đạo, vừa người nghệ sĩ lớn với thi hứng dạt dào, phóng khoáng.

Thích Phước An trong Thiền sư Huyền Quang và con đường trầm lặng của mùa thu[89] đã lý giải vì sao Pháp Loa chọn Huyền Quang để truyền pháp làm Tổ thứ ba, trong lúc Thiền phái này đang trên đường suy tàn. Lúc này, Nho giáo phát triển, phong trào bài Phật đang nổi lên, Huyền Quang lui về núi rừng là vì có lẽ Huyền Quang muốn vạch một hướng đi khác cho Phật giáo Đại Việt hay là vì núi rừng mới là chỗ lui tới đích thực. Từ đó tác giả dùng thơ văn để chứng minh.

Phạm Ngọc Lan trong Trần Nhân Tông và cảm xúc Thiền trong thơ[90] đã đề cập những cảm hứng trong những bài thơ viết về thiên nhiên của Trần Nhân Tông.

Đặc biệt, năm 1993, Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết hợp với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức một hội thảo khoa học về Tuệ Trung Thượng Sĩ. Nhiều bài viết trong tập kỷ yếu Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền Tông Việt Nam[91] đã đề cập và lý giải một cách sâu sắc về con người Tuệ Trung, phong cách tiêu dao phóng khoáng, tinh thần siêu phàm, tư tưởng hòa quang đồng trần trong tụng cổ, ngữ lục, trong thơ văn Tuệ Trung.

Nguyễn Công Lý trong bài Xuân tàn mai vẫn nở hoa[92] tiếp cận bài kệ của Mãn Giác trên góc độ triết luận tư tưởng Thiền và cho rằng bài kệ không thoát ly giáo lý Thiền môn mà là thể hiện rõ đặc thù Thiền học Việt Nam với chân lý vạn vật nhất thể, cho nên trong cái tàn lụi vẫn nảy sinh cái mầm của sự sống sinh sôi, của mùa xuân bất tận.

Cũng theo hướng nghiên cứu dạng biệt lập này, ở mảng văn xuôi văn học Phật giáo Lý - Trần, các nhà nghiên cứu đi sâu vào tiểu truyện các nhà sư trong tác phẩm Thiền uyển tập anh. Trong các giáo trình Lịch sử văn học, Bùi Văn Nguyên[93], Đinh Gia Khánh[94] đã phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tập sách mà chúng tôi có nêu ở trước.

Nguyễn Hữu Sơn viết một loạt bài xung quanh tác phẩm Thiền uyển tập anh như đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm[95], nét đặc trưng lạ hóa về sự ra đời của các thiền sư[96], giá trị tàng trữ thi ca của tác phẩm[97], nhận xét chung về sách Thiền uyển tập anh[98], tìm hiểu thể tài biến văn của tác phẩm[99]...

Nguyễn Tử Cường thì đặt vấn đề nghiên cứu thể tài của tác phẩm: Thiền uyển tập anh có phải là văn bản truyền đăng không?[100].

Nguyễn Đăng Na đã đi vào giải mã đoạn kết truyện Vô Ngôn Thông trong Thiền uyển tập anh[101] mà khi tổng thuật thành tựu sưu tầm và dịch thuật văn bản, chúng tôi có nêu ở trước.

Nguyễn Công Lý đã khảo sát văn bản Thiền tông chỉ nam tự[102] để nêu giá trị lịch sử, giá trị văn học và giá trị triết luận của bài Tựa. Đây chính là cương lĩnh của triết học Việt Nam đời Trần, là kim chỉ nam của Thiền phái Trúc Lâm. Trong các bài viết khác, tác giả còn đi sâu tìm hiểu những nét đặc sắc của tư tưởng Thiền, của văn học Phật giáo đời Lý thông qua thuyết Tâm pháp nhất như của Cứu Chỉ[103], thuyết Tam ban của Ngô Ấn[104], rồi khẳng định đây chính là những đóng góp lớn của các thiền sư đời Lý đối với Thiền học Việt Nam, Thiền học phương Đông.

Từ năm 2000 về sau, Nguyễn Công Lý đã công bố trên các tạp chí và hội thảo khoa học khoảng trên 50 bài nghiên cứu về Phật giáo và văn học Phật giáo, như: Mấy đặc trưng về thời đại Lý – Trần, Nghiên cứu Phật học số 3 – 2000; Vài nét về mối quan hệ giữa Phật giáo Lý Trần với Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc và tín ngưỡng dân gian, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 3 - 2001;

Mấy đặc điểm văn học Lý Trần, Tạp chí Hán Nôm, số 2 (47) – 2001; Tinh thần dung hợp Phật Lão Nho trong văn học Phật giáo thời Lý Trần, Tạp chí Hán Nôm, số 2 (51) – 2002; Sự quân bình giữa Tâm và Trí trong Thiền học Lý Trần qua thuyết “*Tam ban*” của Ngô Ấn thiền sư, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4 – 2002; Mấy ý kiến về vấn đề bản thể luận trong văn học Phật giáo, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 5 – 2002; Mấy ý kiến về vấn đề giải thoát luận trong văn học Phật giáo, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 6 – 2002; Mấy nét đặc sắc về nghệ thuật văn học Phật giáo, Tạp chí Hán Nôm, số 2 (63) – 2004;

Trần Nhân Tông với cảm hứng mùa xuân, Thông báo Hán Nôm học 2007; Từ hệ thống thể loại kinh văn Phật giáo ở Ấn Độ đến hệ thống thể loại văn học Phật giáo Việt Nam, HTKH, 2007; Phật giáo Việt Nam trong mối giao lưu – tiếp biến với Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc và văn hoá – tín ngưỡng dân gian bản địa, Nguyệt san Giác ngộ, số 165, tháng 12 – 2009; Ý chỉ đoạn Ngũ lục và bài kệ Thị tịch của Khuông Việt thiền sư, Nguyệt san Giác ngộ, số 180 (tháng 3-

2011); Khuông Việt thiền sư với vương triều Đinh – Lê, Tập san Khoa học Xã hội Nhân văn số 50 (tháng 4-2011); Tư tưởng Thiền và vẻ đẹp thi ca trong tác phẩm của Viên Chiếu thiền sư, Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 4 - 2011;

Thiền đạo và vẻ đẹp thi ca trong Ngũ lục của Thiền Lão thiền sư, Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 5 - 2011; Bàn lại và bàn thêm về thời điểm Phật giáo – Thiền đạo truyền vào Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 6-2012 (số 122); đăng lại ở Chuyên san Thế giới Phật giáo, số 2 -2013; Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ-tát Quảng Đức qua Lời nguyện tâm quyết và Kệ thiêu thân cúng dường, Tạp chí Xưa và Nay, số 430 (6-2013) và 432 (7-2013); Bàn thêm về thời điểm Phật giáo và pháp tu Thiền truyền vào Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Quyển 15, số 8 (122) tháng 8/2013;

Về kiểu tư duy nghệ thuật trực cảm tâm linh trong văn chương (qua khảo sát văn học Phật giáo Việt Nam), Tạp chí Hán Nôm số 3 (124) -2014; Huyền Quang: vị Thi Tăng tài hoa đời Trần, Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP. HCM số 63 (97) tháng 10/2014; Từ Phật giáo nhất tông đời Trần suy nghĩ về Phật giáo Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 08 (134) - 2014; Hoàng đế - Thi nhân – Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, In trong sách Những vấn đề Ngữ văn – 40 năm khoa Văn học và Ngôn ngữ, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2015;

Nghĩ về giáo dục Phật giáo ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (149) - 2015; Sức hấp dẫn của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam, In trong sách Hệ phái Khất Sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, Nxb Hồng Đức, 2015; Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá – Trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1 (151) - 2016. Diệu Nhân ni sư: hành trạng và sự chứng ngộ tư tưởng Thiền Phật, In trong sách Nữ giới Phật giáo Việt Nam: từ truyền thống đến hiện đại, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2015;

Đăng lại: Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. HCM, 2016. Trong số đó, đặc biệt là bài Khuông Việt thiền sư với vương triều Đinh – Lê, tác giả đã đưa ra một văn bản bài từ theo điệu Nguyễn lang quy đúng lối chính thể với 8 câu 47 chữ (bản Thiền uyển tập anh 48 chữ, bản Đại Việt sử ký toàn thư 49 chữ), và dịch lại. Đồng thời nêu lên ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa văn học sử của bài từ này: (1) Tác phẩm văn học bang giao sớm nhất trong văn chương Việt Nam; (2) Bài từ đầu tiên xưa nhất hiện còn trong lịch sử văn học Việt Nam; (3) Tác phẩm cảm cái mốc về vấn đề Phật giáo hoà đồng cùng dân tộc, nhập thế hành đạo, tham gia chính trị, mang tinh thần hộ quốc an dân trong thời đại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, thể hiện rõ tư tưởng hoà bình, hữu nghị. (4) Cùng với bài thơ của thiền sư Đỗ Pháp Thuận thì đây cũng là một trong hai tác phẩm đầu tiên mang nội dung yêu nước và nhân văn trong lịch sử văn học dân tộc tính từ

lúc nước nhà giành lại độc lập tự chủ. Cả hai tác phẩm đều thuộc về văn học Phật giáo.

Nguyễn Phạm Hùng với luận án Phó Tiến sĩ: Vận dụng quan điểm thể loại vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam thời Lý - Trần nhìn từ góc độ thể loại (1995), sau in thành chuyên luận: Văn học Lý - Trần nhìn từ thể loại (1998) đã nghiên cứu hệ thống thể loại văn học thời Lý - Trần trong đó có các thể loại văn học Phật giáo như Kệ và thơ Thiền, Ngũ lục, Truyện ký v.v.. Một loạt bài viết của nhà nghiên cứu này in trong tuyển tập Trên hành trình văn học trung đại, Nxb ĐHQG HN, 2001, có các bài như: Dòng thơ Thiền thế sự, Hình tượng con trâu trong thơ Thiền đời Trần, Trần Thái Tông - nhà thơ sám hối, Trần Tung và những khúc ca phóng cuồng, Trần Nhân Tông giữa cảnh đời hư và thực, Huyền Quang và niềm xao động trước cuộc đời.

Nguyễn Hữu Sơn với chuyên luận Loại hình Thiền uyển tập anh, Nxb KHXH, HN, 2002, vốn trước đó là luận án Tiến sĩ Khảo sát loại hình tiểu truyện thiền sư trong *"Thiền uyển tập anh"*, Viện Văn học, 1998, đã xác định tác phẩm là sự đan xen nhiều thể loại như ngũ lục, truyện truyền đăng, có sự tích hợp folklore và có giá trị tàng trữ thi ca, và theo ông có thể xem tác phẩm như là một thể tài biến văn.

Những bài viết của nhà nghiên cứu này in trong tuyển tập Văn học trung đại Việt Nam - Quan niệm con người và tiến trình phát triển (2005) như Vịnh Vân Yên tự phú - nẻo về thiên nhiên Phật và cõi vô tâm đã khái quát cuộc đời và hành trạng của Huyền Quang, chuyển hóa cõi thiên nhiên thành cõi Phật trong bài phú; tác giả còn đặt bài phú này trong tương quan với các văn phẩm Nôm cùng thời như Cư trần lạc đạo phú, Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca của Trần Nhân Tông, Giáo tử phú tương truyền của Mạc Đĩnh Chi (?) để thấy được tiến trình hình thành và phát triển dòng văn học Nôm ở Việt Nam.

Lê Giang với luận án Tiến sĩ Ngữ văn: Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP. HCM, 2001, đã lý giải và chứng minh tiến trình ra đời, vận động các quan niệm của văn học trung đại Việt Nam qua ba giai đoạn: Sơ kỳ, Trung kỳ, Hậu kỳ. Trong giai đoạn sơ kỳ (thế kỷ X - đầu thế kỷ XV), theo tác giả là giai đoạn đặc biệt của nước nhà, mở ra những truyền thống lớn cho toàn bộ ý thức văn học trung đại Việt Nam. Trong đó, bộ phận văn học Thiền tông (bao gồm thơ văn của các Thiền phái) đã có quan niệm thẩm mỹ hướng đến cái Đẹp được chuyển hoá từ cuộc sống trần tục với những cảm hứng thanh thoát trước thiên nhiên, hiện thực, tự do, tạo ra *"chất lạ"* trong thơ ca thời Lý - Trần. Đó cũng chính là cái Đẹp vĩnh cửu, thanh sạch, hồn nhiên trong thiên nhiên, cuộc sống con người, mà các tác giả thiền sư thời Lý - Trần đã khắc hoạ.

Lê Thị Thanh Tâm với luận án Tiến sĩ Ngữ văn: So sánh thơ Thiền Lý - Trần với thơ **Thiền Đường - Tống**, Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG TP. HCM, 2007, đã tiếp thu và kế thừa những thành tựu nghiên cứu đã có để từ đó bằng phương pháp so sánh loại hình tác giả đã chỉ ra nét riêng, cái hay, cái đẹp của thơ Thiền Việt Nam thời Lý - Trần so với với thơ Thiền Trung Quốc thời Đường - Tống.

Các bài viết về Phật về Thiền qua cái nhìn so sánh của nhà nghiên cứu này như: Về triết lý âm thanh trong thơ thiền Lý - Trần (2002), Cảnh giới giác ngộ - từ tâm thức tôn giáo đến sáng tạo thơ ca (2004), Con người hành hương trong thơ thiền Lý - Trần và Đường - Tống (2006), Gương mặt người mẹ - hành trình tìm về bản thể trong thơ thiền thời Trần (2006), Kiểu tác giả Việt Nam thời trung đại (trong mối liên hệ với với kiểu tác giả Thiền gia Trung Hoa và Nhật Bản) (2007), Thử tìm hiểu ảnh hưởng thiền tịch Trung Hoa với đối với thơ thiền Việt Nam thời Lý - Trần qua một số thi ảnh trong công án (2007).

Thích Phước Đạt (Trần Lý Trai) với luận văn Thạc sĩ Trần Thái Tông và Khoá hư lục (2005) đã đi sâu tìm hiểu hành trạng tác giả và phân tích giá trị nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Còn trong và luận án Tiến sĩ: Giá trị văn học trong tác phẩm của thiền phái Trúc Lâm (2008), NXB Hồng Đức, 2013, đã giới thiệu Thiền phái Trúc Lâm và lịch sử truyền thừa của Thiền phái cùng nêu lên hai giá trị: nội dung tư tưởng và nghệ thuật trong các tác phẩm văn - triết của các tác giả của Thiền phái: Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Thánh Tông, Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang (ba vị đặt nền móng tư tưởng và ba vị Tổ đầu tiên của Thiền phái).

Bên cạnh, ông còn có các bài viết về tư tưởng, về cảm hứng, về giá trị tác phẩm của các tác giả Thiền phái Trúc Lâm như: Tư tưởng Trần Thái Tông bước khởi đầu cho sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (2004), Đặc trưng tinh thần Thiền học của Trần Thái Tông (2006), Hình ảnh con người trong Khóa hư lục của Trần Thái Tông (2006), Tìm hiểu “*Tham đồ hiển quyết*” của thiền sư Viên Chiếu (2007), Tìm hiểu giá trị “*Cư trần lạc đạo phú*” (2007), Giá trị tư tưởng Thiền học trong bài “*Phật tâm ca*” của Tuệ Trung Thượng sĩ (2008), Cảm hứng bản thể giải thoát và cảm hứng thiên nhiên Phật nhiệm màu trong tác phẩm thi ca Hán Nôm của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần (2008), Cảm hứng nhân văn - thế sự và cảm hứng quê hương đất nước - quê hương Thiền tông trong tác phẩm Hán Nôm của thiền phái Trúc Lâm đời Trần (2009), Sự tiếp biến thể loại văn học Phật giáo trong tác phẩm Thiền phái Trúc Lâm (2010). Gần đây, Thích Phước Đạt đã cho xuất bản hai chuyên khảo Cảm hứng sáng tác thi ca Thiền tông Việt Nam thời Lý - Trần, NXB KHXH, 2024; Thể loại văn học Phật giáo Việt Nam, NXB KHXH, 2025.

Về giảng giải các tác phẩm văn học Phật giáo thời Lý - Trần phải kể đến các công trình của Hoà thượng Thích Thanh Từ. Những công trình này trước khi in ấn, phát hành, vốn xuất phát từ những buổi thuyết giảng của Hoà thượng, được để tử ghi âm rồi đánh máy lại, như: Tham đồ hiển quyết và các thi tụng của các thiền sư đời Lý (1995); Khoá hư lục diễn giải (1996); Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục giảng giải (1997); Tam Tổ Trúc Lâm giảng giải (1997).

Gần đây, Ban Văn hóa của Thiền viện Thường Chiếu đã tập hợp rồi cho xuất bản tất cả những công trình của Hoà thượng Thanh Từ đã giảng về Phật học, trong đó có tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam: Thanh Từ toàn tập, gồm 48 tập khổ lớn 20x28, mỗi tập có dung lượng từ 700 trang đến trên 1000 trang, NXB Tôn giáo, 2016.

Những tập văn của Ban Văn hoá, Giáo hội Phật giáo Việt Nam như Tập văn Phật đản, Tập văn Vu Lan, Tập văn Thành đạo... đã công bố các bài viết có liên quan đến văn học Phật giáo thời Lý - Trần như: Thích Thanh Từ, Nảy mầm Thiền phái Trúc Lâm, Tập văn Phật đản số 8 năm 1987, đã khẳng định Trần Thái Tông là người đặt nền móng tư tưởng cho Thiền phái Trúc Lâm sau này. Nguyên Định, Cửa Thiền và văn học chữ Nôm, Tập văn Phật đản, số 47, năm 2000. Thích Chơn Thiện đã chỉ ra những đóng góp của Phật giáo Lý - Trần trong sự nghiệp phục hưng dân tộc qua bài Sự đóng góp vào sự nghiệp dân tộc của tư tưởng Phật học thời Lý - Trần, Tập văn Thành đạo, số 13 năm 1989. Huyền Chân với bài Phật giáo của Trần Thái Tông hay là thử đi tìm nguyên nhân bổ sung của cuộc chiến thắng đối với quân Nguyên Mông, Tập văn Vu Lan, số 15 năm 1989, đã khẳng định bên cạnh tinh thần đại đoàn kết dân tộc để chiến thắng ngoại xâm, thì còn có một nguyên nhân khác đó là tư tưởng Thiền Đại Việt thấm đậm trong tâm thức của mỗi người dân lúc bấy giờ.

3. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản và nghiên cứu văn học Phật giáo Việt Nam thời Lê - Nguyễn (thế kỷ XV - XIX)

3.1. Thành tựu sưu tầm, phiên dịch văn bản văn học Phật giáo Việt Nam thời Lê - Nguyễn

Điểm lại những công trình sưu tầm khắc in văn bản Phật học trong đó có văn học Phật giáo của các vị sư thuộc dòng Thiền Trúc Lâm thực hiện trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, đầu XX; của Lê Quý Đôn trong Kiến văn tiểu lục (thiên Thiền dật, thiên Nghệ văn chí), tuyển chọn thơ văn trong các bộ hợp tuyển Toàn Việt thi lục, Hoàng Việt văn hải; của Bùi Huy Bích trong Hoàng Việt thi tuyển, Hoàng

Việt văn tuyển; của Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí (mục Văn tịch chí); các bản in tác phẩm về Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam do Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội và Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ thực hiện hồi đầu XX...

Thánh đăng lục là tác phẩm viết về hành trạng, tu tập thiền định, ngộ lý Thiền và hoàng pháp độ sinh của năm vị vua thời Thịnh Trần: Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông, hiện chưa rõ tác giả. Sách được khắc in vào cuối đời Trần (thế kỷ XIV), rồi được in lại vào giữa thế kỷ XVI. Theo lời thiền sư Tính Quảng Điều Điều thuật lại trong lời Tựa khi ngài cho khắc in lại tác phẩm này vào năm 1750 thì sách này từng được thiền sư Chân Nghiêm cho khắc in lại tại chùa Sùng Quang, huyện Cẩm Giàng, xứ Đông (nay thuộc tỉnh Hải Dương).

Tiếp đến, vào nửa cuối thế kỷ XVII, thiền sư Chân Nguyên (1646-1726) đã căn cứ vào Thánh đăng lục và dựa vào lịch sử truyền thừa Thiền tông từ Ấn Độ sang Trung Quốc và Việt Nam mà biên soạn tác phẩm Thiền tông bản hạnh. Tác phẩm này viết bằng chữ Nôm, theo thể thơ lục bát, dài 760 câu, được khắc in vào năm 1734, in lại các năm 1745, 1915 và 1931.

Tác phẩm thuộc thể loại diễn ca lịch sử Thiền tông. Chân Nguyên là vị trụ trì của hai ngôi chùa lớn nhất của Thiền phái Trúc Lâm là chùa Quỳnh Lâm và chùa Long Động, vì thế ngài có nhiều tư liệu chính xác về lịch sử, về Thiền học để viết về công hạnh và sự chứng đạo của vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. Hiện có nhiều bản phiên âm quốc ngữ, chú thích và giới thiệu tác phẩm Thiền tông bản hạnh: Bản của Hoàng Xuân Hãn đã y cứ vào bản in năm 1745 để phiên âm và chú thích; còn Lê Mạnh Thát thì căn cứ vào bản in 1931 của Viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội và Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ để phiên âm, chú thích, giới thiệu.

Gần đây có bản phiên âm, chú thích và giới thiệu văn bản của Hoàng Thị Ngọc do Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học ấn hành, 2009. Hoà thượng Thích Thanh Từ đã dựa vào văn bản gốc để giảng thuyết Thiền tông bản hạnh giảng giải, Nxb TP. HCM, 1988. Trước đó, Thích Thanh Từ còn biên soạn công trình Thiền sư Việt Nam, Thiền viện Chơn Không ấn hành, 1972; Thành hội Phật giáo TP. HCM tái bản 1992.

Thế kỷ XVIII, Tính Quảng và Hải Lượng Ngô Thì Nhậm viết Tam Tổ thực lục chép về hành trạng của ba vị Tổ Trúc Lâm: Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang. Về sau, Hải Lượng được đệ tử và các đạo hữu tôn vinh là Tứ tổ của Thiền phái trong tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh[105].

Về văn bản tác phẩm văn học Phật giáo thời Lê - Nguyễn của các tác gia lớn, bên cạnh Chân Nguyên, còn có Minh Châu Hương Hải (1627-1715), Toàn Nhật Quang Đài (1757-1832), Hải Lượng Ngô Thì Nhậm (1746-1803), Tra Am Viên Thành (1879-1928), Chân Đạo Chánh Thống (1901-1868)... Hiện tại, học giả Lê Mạnh Thát đã khảo sát, phiên dịch, phiên âm, và viết khảo luận các tác phẩm của các tác gia trên, qua các công trình được xuất bản: Toàn tập Chân Nguyên thiền sư, 2 tập, in ronéo, Tu thư Vạn Hạnh, 1978; Toàn tập Minh Châu Hương Hải, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2000; Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài, 2 tập, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2005; Toàn tập Chân Đạo Chánh Thống, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2004.

Còn tác phẩm của Tra Am Viên Thành thì được nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Thoa sưu tầm và biên soạn xong tại Đà Lạt vào đêm mừng 10 tháng 7 năm 1972 (Phật lịch 2516), Hoà thượng Thích Trí Thủ viết Lời phi lộ vào năm Giáp Dần (1974) mùa Phật đản 2518 tại Tu viện Quảng Hương Già Lam.

Tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm và các đạo hữu hiện có nhiều bản dịch: Bản dịch đầu tiên là của Thích Trí Hải (bản đánh máy lưu trữ tại Viện Triết học, dịch theo lời mời của Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam); Bản dịch của Viện Văn học, bởi các dịch giả Cao Xuaân Huy và vài người khác, in trong Ngô Thì Nhậm tác phẩm, Tập 3: Kim mã hành dư, Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học, HN, 2002. Bên cạnh còn có bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, do Lâm Giang (chủ biên), in trong công trình Ngô Thì Nhậm tác phẩm, Tập 5, Nxb KHXH, HN, 2005.

Bên cạnh những tác phẩm của những tác gia trên, còn có thơ văn của các nhà Nho có viết về Thiền Phật, về chùa chiền, sự sãi của các tác giả như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Đào Duy Từ, của Ngô gia văn phái, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Chu Mạnh Trinh, v.v.. người đọc có thể tìm thấy trong các bộ Hợp tuyển thơ văn Việt Nam Tập 3, Tập 3, Nxb Văn học, HN, 1962, 1963; trong các bộ Tinh tuyển văn học Việt Nam, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Nxb KHXH, HN, 2004; trong các bộ Tổng tập Văn học Việt Nam, từ Tập 4 đến Tập 22, Nxb KHXH, HN, 1995 - 1997.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm)

3.2. Thành tựu nghiên cứu văn bản văn học Phật giáo Việt Nam thời Lê - Nguyễn

Thời Lê - Nguyễn (thế kỷ XV - thế kỷ XIX), bên cạnh một số công trình viết về hành trạng và tác phẩm của các vị thiền sư thuộc giai đoạn này của các nhà Phật học, nhất là các công trình của Nguyễn Lang Thích Nhất Hạnh và của Lê Mạnh Thát như ở trên vừa nêu thì còn có một số bài viết về văn học Phật giáo, về ảnh hưởng tư tưởng Thiền Phật trong thơ văn của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu v.v.. của các nhà nghiên cứu như: Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Bùi Duy Tân, Minh Chi, Hà Thúc Minh, Trần Thị Băng Thanh, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Công Lý, Nguyễn Phạm Hùng, v.v..

Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh) trong bộ Việt Nam Phật giáo sử luận, 3 tập, Lá Bối, SG, in lần đầu 1973, đã nêu lên cốt lõi tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần thông qua những tác phẩm chính (thi, kệ, ngữ lục, luận thuyết) ở chương viết về Phật giáo đời Trần, cũng như giới thiệu nội dung đặc sắc của tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm ở chương viết về Phật giáo cuối thời Lê trung hưng.

Một loạt công trình của Lê Mạnh Thát khảo sát, dịch và giới thiệu văn bản tác phẩm của các tác giả thiền sư thuộc giai đoạn này như: Toàn tập Chân Nguyên thiền sư (2 tập, in ronéo 1978); Toàn tập Minh Châu Hương Hải (2000); Toàn tập

Toàn Nhật Quang Đài (2 tập, 2005), Chân Đạo Chánh Thống (2004)...

Nghiên cứu về Ngô Thì Nhậm và tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh thì có thể thấy: Từ thế kỷ XIX về trước, các bậc tiên Nho, các sử gia trong các bộ chính sử triều Nguyễn ít nhiều đã có nhắc đến Ngô Thì Nhậm. Sang thế kỷ XX, trong các bộ văn học sử của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, của Phạm Thế Ngũ, v.v.. mà ở trên có đề cập, ít nhiều đều có nhắc qua Ngô Thì Nhậm dù rất sơ lược, còn về tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh thì hầu như chưa được tìm hiểu trong các công trình nghiên cứu ở Việt Nam từ 1954 trở về trước.

Lần đầu tiên Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh) trong Việt Nam Phật giáo sử luận tập 2 (1972), ở chương XXIV Lý học và Phật giáo đã dành 27 trang với nhiều mục (từ trang 269 đến trang 295) để giới thiệu về Ngô Thì Nhậm và tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh qua các tiêu đề: Đại chân Viên giác thanh; Một tổng hợp Nho Phật độc đáo; Một số chủ đề khác của Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh; Quan niệm Thiền của Hải Lượng và các bạn; Con người của Hải Lượng. Chỉ bấy nhiêu đó nhưng cũng gợi mở giúp người đọc có cái nhìn tổng quát về tác giả và tác phẩm luận thuyết triết lý này.

Tiếp đến, Thích Minh Tuệ trong Lược sử Phật giáo Việt Nam (1993) cũng đã dành hơn 2 trang để giới thiệu về Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm (trang 443-445).

Với các nhà nghiên cứu ngoài nhà chùa, những bài viết về tác giả Ngô Thì Nhậm, về tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh đã công bố trên các tạp chí như Tạp chí Văn học (Nghiên cứu Văn học) của Viện Văn học, Tạp chí Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Tạp chí Triết học của Viện Triết học... Có thể nêu những bài nghiên cứu tiêu biểu như bài viết của cụ Lê Thước và Trương Chính: Tìm hiểu dòng văn học tiến bộ thời Tây Sơn (1971). Nhân kỷ niệm danh nhân Ngô Thì Nhậm, Tạp chí Văn học số 4-1973, đã đăng một loạt bài nghiên cứu của các tác giả như Tảo Trang: Bước đầu tìm hiểu một số nhà văn trong Ngô gia văn phái, Vũ Khiêu: Về đánh giá Ngô Thì Nhậm, Vũ Đức Phúc: Từ Ngô Thì Nhậm đến trào lưu văn học Tây Sơn, Trần Nghĩa: Tìm hiểu thái độ chính trị của Ngô Thì Nhậm, Trần Lê Sáng và Phạm Thị Tú: Về một số tập văn của Ngô Thì Nhậm.

Năm 2003, nhân kỷ niệm Ngô Thì Nhậm, trên Tạp chí Hán Nôm số 3 cũng đã cho đăng một loạt bài về tác giả này như của Trịnh Khắc Mạnh: Danh nhân Ngô Thì Nhậm (1746-1803), Nguyễn Ngọc Nhuận: *"Cúc thu bách vịnh"* tập thơ xướng họa giữa Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm, Lê Việt Nga: Mấy nét về tập thơ *"Ngọc đường xuân khiếu"*, Trần Thị Bằng Thanh: Ngô Thì Nhậm - một tấm lòng Thiền

chưa viên thành, Lâm Giang: Ngô Thì Nhậm với đời thường, Phạm Thị Thoa: Văn bản “*Hào môn ai lục*” của Ngô Thì Nhậm. Bên cạnh, cần phải kể ra đây một số bài viết về Ngô Thì Nhậm hoặc có liên quan đến Ngô Thì Nhậm như ba bài nghiên cứu của Phạm Tú Châu đăng trên Tạp chí Văn học ở các số 2-1979; số 2-1981; số 6-1982, của Phạm Thị Tú: Đăng khoa lục sưu giảng và việc ghi nhận Ngô Thì Nhậm là tác giả “*Hoàng Lê nhất thống chí*” trên Tạp chí Văn học số 4-1975; Hoàng Hồng Cẩm: Về cuốn “*Tam thiên tự*” do Ngô Thì Nhậm soạn, Tạp chí Hán Nôm số 1-2007, v.v..

Đặc biệt, trong công trình Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 1 (1978) có hai bài nghiên cứu: Ngô Thì Nhậm - một người trí thức chân chính do học giả lão thành uyên bác Cao Xuân Huy viết và bài Tiểu sử Ngô Thì Nhậm do Mai Quốc Liên soạn; Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2 (1978), nhóm biên dịch có mục Tiểu dẫn với dung lượng hai trang để giới thiệu tác phẩm. Còn trong công trình Ngô Thì Nhậm tác phẩm, tập 3, có bài khảo luận văn bản của nhà nghiên cứu Hà Thúc Minh: Về tình trạng của sách “*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*”.

Trần Đình Hượu với bài viết Về xu hướng Tam giáo đồng nguyên trong Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh (1986) đã xác định xu hướng tư tưởng chủ đạo của tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là Tam giáo đồng nguyên. Đồng thời tác giả bài viết có lưu ý rằng quan niệm đồng nguyên của Ngô Thì Nhậm trong tác phẩm cũng chưa vượt ra ngoài quỹ đạo của Chu Hy thời Tống ở Trung Hoa.

Mai Quốc Liên với sáu chương tiểu luận về Ngô Thì Nhậm trong tập một của bộ Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2001) đã khái quát những vấn đề về tư tưởng và thi pháp của Ngô Thì Nhậm, khẳng định thơ văn của Ngô Thì Nhậm là đỉnh cao, là tiêu biểu đứng đầu của văn học yêu nước thời Tây Sơn.

Lê Giang trong luận án Tiến sĩ Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam (2001) cho rằng Ngô Thì Nhậm thật sự là một nhân vật lịch sử lớn, một nhà tư tưởng lớn mà bộ môn Lịch sử tư tưởng Việt Nam phải dành nhiều trang hơn nữa để viết về ông. Ông là đại biểu cho loại ý thức văn học của nhà Nho chính trị gia trong thời hậu kỳ trung đại Việt Nam, cốt lõi là Nho nhưng không bị bó hẹp ở Nho giáo nguyên thủy mà tiếp thu tinh hoa của nhiều loại tư tưởng khác.

Thích Phước An trong Từ Nguyễn Trãi đến Ngô Thì Nhậm và con đường lên đỉnh núi Yên Tử (2002) khẳng định Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV và Ngô Thì Nhậm ở thế kỷ XVIII là hai khuôn mặt lỗi lạc cùng leo lên đỉnh núi Yên Tử. Cả hai đều nhận ra rằng, chỉ có con đường mà Trần Nhân Tông, Tổ sư khai sáng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã vạch ra là con đường thực tiễn nhất để giải quyết mâu thuẫn giằng co giữa sự thanh tịnh tâm linh cho chính mình mà vẫn phụng sự cho đất nước hay cho cả mọi sinh linh đang quần quai trong khổ đau. Ngô Thì Nhậm cố

đem ánh sáng tư tưởng Phật giáo để rọi sáng ý thức hệ Nho giáo hầu giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội cuối thế kỷ XVIII đã đặt ra mà Nho giáo không giải quyết được.

Trên Tạp chí Triết học số 1-2003, nhà nghiên cứu Trương Văn Chung có bài Tìm hiểu tư tưởng Thiền học của Ngô Thì Nhậm đã chỉ ra những nét đặc sắc trong tư tưởng Thiền học, nhất là sự dung hợp Nho - Phật trong tư tưởng của Ngô Thì Nhậm.

Trong bài viết Xu hướng hội nhập Tam giáo trong tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII (2004), Nguyễn Kim Sơn thông qua cái nhìn đồng đại và lịch đại, đã lý giải nguồn gốc, sự vận động, khung cảnh hội nhập Tam giáo trong tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII. Tác giả bài viết khẳng định nhà Nho chính là chủ thể tiến hành hội nhập Tam giáo và mục đích của việc hội nhập là nhằm tự bảo vệ vị trí chủ cán của Nho gia trong giai đoạn này.

Nguyễn Bá Cường trong Tư tưởng của Ngô Thì Nhậm về con người và giáo dục con người (2006) đã xác định vấn đề con người được Ngô Thì Nhậm quan tâm trước nhất. Ngô Thì Nhậm tiếp cận vấn đề con người và bản tính con người trên cơ sở thiên tính tự nhiên và trong mối quan hệ xã hội phức tạp. Từ đó, bài viết chỉ ra vai trò của giáo dục và điều kiện kinh tế với sự hình thành và thay đổi bản tính con người.

Trần Phước Thuận trong bài Tìm hiểu đôi điều về khái niệm “*Không thanh*” của Ngô Thì Nhậm trong tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh (2007) đã khẳng định Ngô Thì Nhậm đã dùng lý luận nhà Nho để giải thích Thiền học, đậm nét nhất là Lý học của Tống Nho. Hải Lượng thiền sư dàn dựng những hình ảnh mang tính Lý học Tống Nho để thực hiện chủ ý “*Chỉ vật truyền tâm*” của thiền gia. Dù Ngô Thì Nhậm đã làm một chiếc cầu nối giữa Phật và Nho trong thời buổi các nhà Nho bảo thủ chống lại Phật giáo, nhưng ông chưa phải là thiền sư đặt ngộ.

Lâm Giang trong bài viết Tư tưởng Nho - Phật hoà đồng trong tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm (2007) đã đi từ phân tích sự hoà đồng nhất trí của Phật - Nho trong Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh qua các phạm trù nhân quả, luân hồi, định mệnh, tâm tính... đến kết luận là sự nhất trí ấy do Phật kế thừa từ Nho. Hơn nữa Phật của Ngô Thì Nhậm là Phật hành sự trong thực tiễn không yếm thế, chán đời.

Trần Ngọc Ánh trong Nhận thức luận của Ngô Thì Nhậm – bước tiến của tư tưởng triết học Việt Nam thế kỷ XVIII (2009) đã xác định Ngô Thì Nhậm góp phần tạo ra một bước tiến của lịch sử tư tưởng triết học của dân tộc thế kỷ XVIII.

Mặc dù Ngô Thì Nhậm có kế thừa Lý học của Tống Nho, nhưng ông đã có những đóng góp riêng về mặt nhận thức luận như không dừng lại ở hiện tượng mà đi sâu vào bản chất; sự thống nhất giữa nội dung và hình thức, giữa cái bên trong và cái bên ngoài.

Doãn Chính và Nguyễn Thị Hồng Phương trong Ngô Thì Nhậm – Hải Lượng đại thiên sư (2010) cho rằng, khuynh hướng chủ đạo trong bản thể luận của Ngô Thì Nhậm là hướng đến sự dung hoà Tam giáo với sự kế thừa tư tưởng các vị Tổ khai sáng Thiên phái Trúc Lâm. Ngô Thì Nhậm không kế thừa, dung hợp triết lý Tam giáo như các học giả đời Tống, mà chỉ sử dụng các phạm trù tâm, tính, lý, dục của Tống Nho để giải thích trở lại các quan điểm triết học Phật giáo.

Minh Chi có bài Tinh thần Phật học trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, in lại trong Nguyễn Bình Khiêm, Về tác gia tác phẩm, Nxb GD, HN, 2007.

Nguyễn Phạm Hùng trong tuyển tập Văn học cổ Việt Nam tìm tòi và suy nghĩ, Nxb ĐHQG HN, 2011, viết về giai đoạn Lê - Nguyễn có các bài: Tìm hiểu tư tưởng Thiền trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi, Phổ Chiêu thiên sư Phạm Thái và những sáng tác văn học đặc sắc của ông.

Nguyễn Hữu Sơn với bài Về cảm quan Phật giáo trong thơ văn Nguyễn Trãi, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 11-1993; chỉnh lý in trong Tạp chí Văn học, số 6-2000.

Nguyễn Công Lý với bài Về kiểu tư duy nghệ thuật trực cảm tâm linh trong văn chương (qua khảo sát văn học Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Hán Nôm số 3-2014, đã khẳng định trong văn học có những kiểu tư duy nghệ thuật như kiểu tư duy hiện thực, kiểu tư duy lãng mạn, kiểu tư duy huyền thoại,... thì bên cạnh đó còn có kiểu tư duy trực cảm tâm linh mà văn học Phật giáo Thiền tông thể hiện rõ nét kiểu tư duy nghệ thuật này. Bài viết đã lý giải và chứng minh bằng 10 thể kỷ văn học cổ điển Việt Nam, từ thi kệ, ngữ lục của các thiên sư thời Lý - Trần đến thời Lê - Nguyễn.

Bên cạnh, Nguyễn Công Lý còn công bố một số bài viết về thơ văn mang cảm quan Thiền Phật của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Đào Duy Từ, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu. Trong bài viết về thơ Nguyễn Du: Kinh văn hệ Bát nhã và ảnh hưởng tư tưởng kinh văn hệ Bát nhã trong thơ Nguyễn Du, Tạp chí Hán Nôm, số 5 - 2016, lần đầu tiên trong giới nghiên cứu, người viết khẳng định Nguyễn Du đã ít nhiều thông tỏ Thiền đạo, hiểu cái lý Tính Không và tư tưởng Vô trụ, vì thế trong thơ của ông từ Truyền Kiều đến thơ chữ Hán, rồi Văn chiêu hồn, nhà thơ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng kinh văn hệ Bát nhã và tinh thần vô ngã vị tha của Phật môn.

Thích Minh Ấn (Nguyễn Văn Quốc) trong luận văn Thạc sĩ đã nghiên cứu về thơ văn các nhà Nho thế kỷ XV – XVII viết về Phật giáo (2015).

Thích Hạnh Tuệ (Trần Hoàng Hùng) đã cho xuất bản một loạt công trình: Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam (luận án Tiến sĩ, 2013), NXB KHXH, 2018; Nghiên cứu về Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh, NXB KHXH, 2018; Đại cương tư tưởng Phật giáo Việt Nam, NXB KHXH, 2021; Thiền học Việt Nam, NXB Phụ nữ, 2022; cùng nhiều bài viết trên các tạp chí, nhất là trên Văn hóa Phật giáo và Nghiên cứu Phật học.

Một số luận văn Thạc sĩ Văn học như: Thích Nhuận Tâm (Trần Văn Dũng) với đề tài Vấn đề dung hợp Phật – Nho trong một số tác phẩm của Hương Hải thiền sư bảo vệ 2019; Trần Thị Ngọc Diệp với luận văn Thạc sĩ Thế giới nghệ thuật Truyện Nôm bình dân về đề tài Phật giáo bảo vệ 2022; cùng một số bài viết được công bố trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học về văn học Phật giáo giai đoạn này, và còn nhiều nữa...

Gần đây, Thích Chấn Đạo (Phan Thanh) ở chùa Tra Am (Huế) đã cho xuất bản chuyên khảo, vốn là luận án Tiến sĩ Văn học, nhan đề là Văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII - XVIII, NXB KHXH, 2023, đã đi sâu trình bày ba nội dung: Xứ Thuận Quảng, Phật giáo và văn học; Diện mạo văn học Phật giáo Thuận Quảng; Biệt sắc văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII - XVIII. Đây là một công trình nghiên cứu có đóng góp về một vùng văn học Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII. Bên cạnh người viết này còn công bố trên các tạp chí một số bài viết có liên quan đến đề tài.

Một số luận án Tiến sĩ Văn học như Nguyễn Thị Việt Hằng với Văn học Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII, bảo vệ 2018. Phạm Kim Ngân với Thơ chữ Nôm của các nhà Nho thế kỷ XV – thế kỷ XIX viết về Phật giáo bảo vệ năm 2025. Lê Sỹ Đồng với Đề tài Phật giáo trong thơ văn chữ Hán các nhà Nho Việt Nam thế kỷ XV – XIX bảo vệ năm 2025. Và các tác giả trên còn cho công bố nhiều bài viết có liên quan đến đề tài trên các tạp chí, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế.

4. Sơ lược những thành tựu sáng tác và nghiên cứu về văn học Phật giáo Việt Nam thời hiện đại (thế kỷ XX đến nay)

Bước sang thế kỷ XX, cùng với công cuộc vận động phát triển và quá trình hiện đại hoá về văn học, thì văn học Phật giáo thời này cũng đã có nhiều chuyển biến mới, đặc biệt là từ cái mốc phong trào chấn hưng Phật giáo với sự thành

lập các Hội Phật giáo vào cuối thập niên 20 của thế kỷ XX trở đi bởi chư tôn đức mang tư tưởng cấp tiến như các vị Hoà thượng Khánh Hoà, Huệ Quang, Pháp Hải, Khánh Anh, sư Thiện Chiếu, và các vị Hoà thượng Liên Tôn, Bích Liên, Trí Thiên, v.v..

Trước khi phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra thì phải kể đến trên tạp chí Nam Phong đã cho công bố một số bài về Phật giáo, Phật học, nghiên cứu về văn học Phật giáo của Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Nguyễn Trọng Thuật, Đồ Nam Tử, Đinh Văn Chấn,...

Phong trào chấn hưng Phật giáo buổi đầu được khởi xướng ở Sài Gòn Gia Định, sau đó nhanh chóng lan ra các tỉnh Nam kỳ: Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Long Xuyên, Ba Xuyên, Rạch Giá; rồi ở Trung kỳ: Bình Định, Thừa Thiên Huế; đến Bắc kỳ: Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng...

Gắn liền với phong trào chấn hưng là sự thành lập các Phật học đường, và nhất là xuất bản các tờ báo Phật học bằng chữ Quốc ngữ. Cuối những năm 1920 ở Nam kỳ có tờ Pháp Âm do Hoà thượng Khánh Hoà làm Chủ nhiệm rồi tờ Phật hoá tân thanh niên do nhà sư trẻ Thiện Chiếu phụ trách. Tiếp theo là tạp chí Từ bi âm (1931, Gia Định); tờ Duy tâm Phật học (1935, An Giang); Tạp chí Tiến hoá (1936, Gia Định); Bồ đề tạp chí (1936, Sóc Trăng); Tạp chí Bát nhã âm (1936, Bà Rịa Vũng Tàu); Tạp chí Pháp âm Phật học (1937, Sài Gòn); Tạp chí Phật pháp chỉ Niết bàn (1941, Sài Gòn). Ở Trung kỳ, có tờ Tạp chí Viên âm (1933, Huế); Tam bảo chí (1937, Bình Định). Ở Bắc kỳ, có tờ Tiếng chuông sớm (1935, Hà Nội); tờ Đuốc Tuệ (1937, Hà Nội); Tạp chí Quan Âm (1938, Hà Nội)... Nhờ những tờ báo và tạp chí như trên mà các bài nghiên cứu, những sáng tác phẩm về Phật học được đăng tải, góp phần làm cho bức tranh văn học Phật giáo thời hiện đại ở chặng đường đầu thêm phong phú, đa dạng; thu hút nhiều học giả tham gia, góp phần làm cho đội ngũ sáng tác và nghiên cứu thêm hùng hậu.

Từ sau Cánh mạng tháng Tám, rồi chín năm kháng chiến chống Pháp, có thể nói lúc này cả nước đang dồn hết sức lực, tài vật và trí tuệ cho cuộc kháng chiến giành lại độc lập tự do nên văn học Phật giáo chặng đường này có phần chững lại.

Từ sau tháng 7 -1954, với hiệp định Gienève, đất nước tạm chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm phân ranh, thì từ đây văn học Phật giáo trên hai miền có nét đặc thù riêng. Văn học Phật giáo trên miền Bắc từ 1954 đến 1975, hầu như không phát triển là mấy, ngoại trừ việc Nhà nước chủ trương khôi phục văn hoá tư tưởng cổ truyền của dân tộc, trong đó có văn học.

Các nhà nghiên cứu gia công sưu tầm, dịch thuật và thực hiện những công trình, viết những tiểu luận nghiên cứu về văn học Phật giáo trong quá khứ. Trong khi đó, ở miền Nam lại sôi động hơn nhiều, nhất là từ Pháp nạn 1963 về sau. Về giáo dục, hệ thống thống các trường Phật học được khôi phục và hoạt động trở lại; hệ thống các trường tiểu học, trung học Bồ đề được thành lập.

Đặc biệt, Viện Đại học Vạn Hạnh được mở ra đào tạo các ngành hệ Cử nhân và Cao học, nhanh chóng tạo được uy tín trong châu lục và thế giới. Các tỉnh thành của Giáo hội đều cho xuất bản nội san, bản tin, tạp chí. Riêng Viện Đại học Vạn Hạnh thì cho xuất bản hai tờ tạp chí cú uy tín: Vạn Hạnh và Tư Tưởng, thu hút khá đông các học giả, các cây bút nghiên cứu gạo cội và các nhà văn nhà thơ có tên tuổi như Trúc Thiên, Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, Đông Hồ, Nguyễn Đăng Thục, Thạch Trung Giả, Nguyễn Lang Thích Nhất Hạnh, Thích Minh Châu, Thích Mãn Giác, Thích Tâm Châu, Thích Tâm Thiện, Thích Chơn Thiện, Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương, Võ Hồng, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Phạm Thiên Thư, Tuệ Mai, Ni sư Trí Hải (Phùng Khánh), Ni sư Huỳnh Liên, và còn nhiều tên tuổi tài danh khác nữa ở trong và ngoài nước...

Rất nhiều kinh sách được phiên dịch ra tiếng Việt chữ Quốc ngữ và được xuất bản; rất nhiều tác phẩm văn học nước ngoài ít nhiều có gắn bó với Phật giáo, thể hiện tư tưởng triết học Phật giáo được dịch thuật và phát hành; rất nhiều công trình nghiên cứu về Phật học được xuất bản, ở đây chúng tôi không thể nào liệt kê hết được, mà chỉ nêu qua một số tác giả tiêu biểu với những tác phẩm một thời đã gây tiếng vang trong công chúng độc giả.

Nhất Hạnh là một thiền sư, một bậc Thượng Sĩ, ông trước tác, trước thuật và sáng tác rất nhiều, có đến vài trăm đầu sách, chỉ nói riêng những sáng tác văn học, có thể nêu ra đây một số tác phẩm xuất bản trước 1975 như: Bông hồng cài áo (1962), Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện (1965), Nẻo về của ý (1967), Tiếng đập cánh loài chim lớn (1967), Tình người (1973).

Tuệ Sỹ là một học giả thông tuệ, một dịch giả nổi tiếng với bộ Thiên luận của D.T. Suzuki (dịch 2 tập sau). Ông là một thiền sư, một nhà nghiên cứu tư tưởng triết học và văn học bậc thầy, giảng viên Đại học Vạn Hạnh, đồng thời là một nhà thơ. Riêng về sáng tác và khảo luận văn học, có thể một số tác phẩm, công trình tiêu biểu như: Thơ có: Giấc mơ Trường Sơn; Góc Tù; Những điệp khúc cho dương cầm; Biên khảo có: Chiến tranh, tình yêu, hoài niệm và truyện ngắn Võ Hồng; Dẫn vào thế giới văn học Phật giáo, Đạo Phật và thanh niên; Giá trị đối chiếu trong những tương quan văn hóa; Sự hủy diệt của một trào lưu tư tưởng; Thuyền ngược bến không; Tô Đông Pha những phương trời viễn mộng; Nguồn gốc của một thế giới quan vô tận; Duy tuệ thị nghiệp, Tính không luận là

gì?; Tinh hoa triết học Phật giáo; Triết học của Tính Không; Tư tưởng Phật giáo đối diện với hư vô, v.v..

Phạm Thiên Thư vốn xuất thân từ chốn Thiền môn, từ 1975 về trước đã cho xuất bản những tập thơ như: Thơ Phạm Thiên Thư (1968), Kinh Ngọc (thi hoá kinh Kim Cang); Động hoa vàng (thơ, 1971); Đạo ca (Phạm Duy phổ nhạc); Hậu Kiều - Đoạn Trường Vô Thanh (1972); Kinh thơ (thi hoá kinh Pháp Cú); Quyên từ độ bỏ thôn Đoài; Kinh Hiếu (thi hoá kinh Vu Lan); Kinh Hiền (thi hoá Kinh Hiền Ngũ gồm 12.000 câu lục bát); Ngày xưa người tình; Trại hoa đỉnh đồi (1975),...

Trong đó những bài đạo ca và tâm ca do Phạm Duy phổ nhạc đã được rất nhiều người yêu thích, và có hai tập thơ gây được ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả là Động hoa vàng và Đoạn trường vô thanh, riêng Đoạn trường vô thanh được Hội đồng Văn học nghệ thuật trao giải Nhất toàn quốc năm 1972.

Nữ sĩ Tuệ Mai là một Phật tử thuần thành, bà hoạt động trong các phong trào Phật giáo, đã cho xuất bản nhiều tập thơ, trong đó có nhiều bài thơ mang hương vị Phật giáo, Thiền đạo. Có thể nêu ra một số tập thơ tiêu biểu như: Thơ Tuệ Mai (Sáng Tạo xb, SG, 1962); Không bờ bến (Sáng Tạo xb, SG, 1964. Tập thơ được giải thưởng văn chương toàn quốc 1966); Như nước trong nguồn (Văn Uyển, SG, 1968); Trên nhánh sông mưa (Sáng Tạo, SG, 1970); Bay nghiêng vòng đời (Sáng Tạo, SG, 1971); Về phía trời xanh (Văn Chương, SG, 1973); Qua suối mây hồng (Văn Chương, SG, 1973), v.v..

Phạm Công Thiện là giảng viên Đại học Vạn Hạnh, từng có thời gian tu học trong chùa, ông là một học giả chuyên nghiên cứu về triết học phương Tây và tư tưởng Phật giáo. Bên cạnh những tiểu luận về tư tưởng triết học như Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, Tổ sư Thiền tông (Tân Ý Thức, Nha Trang, 1964); Ý thức mới trong văn nghệ và triết học (An Tiêm, Sài Gòn, 1965, in lần thứ 4, 1970); Dialogue (Lá Bối, Sài Gòn, 1965) viết chung với Nhất Hạnh, Bùi Giáng, Tam Ích, và Hồ Hữu Tường bằng tiếng Anh và tiếng Pháp; Im lặng hố thăm (An Tiêm, Sài Gòn, 1967 và 1969, Phạm Hoàng, 1969); Hố thăm của tư tưởng (An Tiêm, Sài Gòn, 1967, Phạm Hoàng in lần thứ 3, 1970); Mặt trời không bao giờ có thực (An Tiêm, Sài Gòn, 1967, Phạm Hoàng in lần thứ 2, 1969); Chỉ còn tiếng thơ trên mặt đất — Trở về Rainer Maria Rilke (1969); Henry Miller (Phạm Hoàng, Sài Gòn, 1969); v.v.. thì ông còn sáng tác thơ và viết tản văn, với những tác phẩm như: Trời tháng Tư (An Tiêm, Sài Gòn, 1966); Ngày sinh của rắn (Hoa Nắng, Paris, 1965; An Tiêm in chính thức tại Sài Gòn, 1966), v.v..

Những nhà văn, nhà thơ như Võ Hồng, Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương, Trữ Vũ,... dù không có tập truyện, tập thơ riêng về Phật về Thiền, nhưng Võ Hồng cũng có vài truyện ngắn lấy bối cảnh không gian nơi thiền môn, ít nhiều mang cảm hứng

Phật giáo; còn Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương đã sáng tác một số bài về Thiền Phật, về chùa chiền, về các vị sư tăng, mà bài Lửa Từ bi (Vũ Hoàng Chương) viết về Ngài Quảng Đức tự thiêu năm 1963 là bài thơ gây chấn động tâm thức độc giả trong và ngoài nước lúc bấy giờ.

Ni sư Trí Hải (Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh) là con cháu hoàng tộc triều Nguyễn, trước 1975 từng tốt nghiệp Cử nhân ở Việt Nam và Thạc sĩ ở Hoa Kỳ, sau đó về nước xuất gia, trở thành nữ giảng viên của Đại học Vạn Hạnh. Bà đã viết một số khảo luận và dịch vài chục công trình, tác phẩm của các tác giả nổi tiếng của nước ngoài như Câu chuyện của dòng sông, Ảo hóa (của Hermann Hesse); Gandhi tự truyện, v.v.. Ngoài ra bà còn cho xuất bản hàng chục công trình về Phật học nữa.

Sau 1975, đất nước thống nhất, rồi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được tái thành lập (11-1981), Trường Phật học các cấp được mở ra tại các tỉnh thành, riêng trực thuộc Trung ương Giáo hội có bốn Học viện Phật giáo đặt tại bốn trung tâm lớn: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Cần Thơ. Bên cạnh còn có Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Giáo hội, còn ở Hà Nội thì có Phân viện Nghiên cứu Phật học. Đây là những cơ sở đào tạo tăng tài, phụng sự đạo pháp và dân tộc, đồng thời là nơi nghiên cứu cùng ươm mầm những thế hệ nghiên cứu cho tương lai.

Chính chặng đường này đã tạo đà cho báo chí Phật giáo phát triển. Nhiều tờ báo và tạp chí, đặc san, chuyên san về Phật học được xuất bản thường kỳ. Tại các tỉnh thành, các Ban Trị sự Giáo hội đều có xuất bản nội san, đặc san. Có thể nêu ra đây một số tạp chí, đặc san tiêu biểu như: Hệ phái Phật giáo Khất sĩ có tạp chí Đuốc Sen; Hệ phái Phật giáo Nguyên thủy (Theravada, thường gọi là Nam tông Kinh) có tạp chí Phật giáo Nguyên thủy; Phân ban Ni giới trung ương có đặc san Hoa Đàm; Ban Văn hoá trung ương có tạp chí Văn hoá Phật giáo; Phân viện Nghiên cứu Phật học tại Hà Nội có tạp chí Nghiên cứu Phật học; Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh có tuần báo Giác Ngộ và nguyệt san Giác Ngộ. Đạo tràng chùa Giác Ngộ (Tp.HCM) có Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay và đặc san Đạo Phật Ngày Nay. Các tờ tạp chí, đặc san trên, nhiều tiểu luận nghiên cứu về Phật học, về văn học Phật giáo được đăng tải, nhiều sáng tác truyện ký, tùy bút, bút ký, đoản văn, thơ ca về Phật giáo được in ấn. Đó là chưa kể những tác phẩm, các công trình nghiên cứu về văn học Phật giáo của các tác giả đã được xuất bản riêng lẻ.

Từ sau Đổi mới, mở ra thời đại giao lưu hội nhập quốc tế nên nhiều sáng tác phẩm trong đó có văn học Phật giáo được chuyển ngữ và xuất bản ở Anh, Pháp, Úc, Canada,.. Nhiều tam tạng kinh điển Phật giáo được chuyển dịch từ Phạn

ngữ, Pali ngữ, Hán ngữ sang Việt ngữ để cho ra đời bộ Đại tạng kinh Việt ngữ. Nhiều công trình Phật học ở nước ngoài được Việt dịch từ các ngôn ngữ khác nhau. Trong khi đó, cũng có nhiều công trình Phật học của các tác giả Việt Nam được chuyển ngữ sang tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung và xuất bản ở nước ngoài.

Về đội ngũ nghiên cứu và sáng tác về văn học Phật giáo, bên cạnh những cây bút bậc thầy đã từng xuất hiện từ trước 1975 thì sau 1975 vẫn tiếp tục sáng tác và viết nghiên cứu, cho xuất bản đều đặn dù ở trong nước hay ở hải ngoại, thì còn có một đội ngũ kế cận tiếp bước, dù số lượng thành quả tác phẩm tuy chưa bẻ thế bằng các vị tiền bối ở giai đoạn trước. Có thể kể tên tuổi một số vị trên miền Bắc như: Cao Xuân Huy, Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên, Đinh Gia Khánh (đã có thành tựu từ trước 1975, sau 1975 vẫn tiếp tục), Nguyễn Đình Chú, Đỗ Văn Hỷ, Trần Nghĩa, Nguyễn Huệ Chi, Trần Thị Băng Thanh. Ở miền Nam có Nguyễn Đăng Thục, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Trúc Thiên, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Minh Chi, Trần Tuấn Mẫn, Thích Phước Sơn, Thích Phước An, v.v..

Tiếp theo là lớp kế cận, có thể nhắc đến vài ba cái tên như: Đoàn Thị Thu Vân, Nguyễn Công Lý, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Phạm Hùng, Trần Nho Thìn, Đoàn Lê Giang... Lớp tiếp theo thì có Thích Phước Đạt, Lê Thị Thanh Tâm, Thích Hạnh Tuệ, và còn nhiều nữa. Chỉ ít các vị vừa nêu trên cũng đã có vài ba công trình, hay vài ba tiểu luận nghiên cứu về văn học Phật giáo đã được công bố trên các tạp chí có uy tín.

Sau đây xin được điểm lại một vài tác gia lớn với những cống hiến tiêu biểu:

Về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX, **Nguyễn Công Lý** đã có hai bài viết về Hoà thượng Khánh Hòa in trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Hoà thượng Khánh Hòa - Vị danh tăng tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX; Quan điểm của Hoà thượng Khánh Hoà về công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam. Cũng tại Hội thảo này còn có mấy chục bài nghiên cứu khác nữa viết về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam.

Hoà thượng Quảng Đức là một bậc chân tu đặc đạo ở thời hiện đại. Ngoài các bài thuyết giảng về giáo lý tư tưởng Phật giáo, thì về sáng tác, ngài viết rất ít, chỉ có bài '*Lời nguyện tâm quyết*' bằng chữ Nôm, viết tại chùa Ấn Quang, trước khi tự thiêu để bảo vệ chánh pháp. Cũng trong thời gian này, ngài còn viết mấy bài thơ gửi lại cho Giáo hội, cho tăng chúng, cho quý Phật tử. Giới thiệu thi kệ của vị Hoà thượng Quảng Đức vị pháp thiêu thân, Nguyễn Công Lý: Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ tát Quảng Đức qua '*Lời nguyện tâm quyết*' và '*Kệ thiêu thân*'

cúng đường', đăng trên tạp chí Xưa và Nay, hai số liền, số 430 (tháng 6-2013) và số 432 (tháng 7-2013). In lại trong sách: Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam 1963, Thích Nhật Từ, Nguyễn Công Lý, Trương Văn Chung (đồng chủ biên). Nxb Hồng Đức, 2013.

Lúc Hoà thượng Quảng Đức tự thiêu, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã cảm kích rồi sáng tác bài *Lửa từ bi* để tụng ca. Trên cơ sở đó, Đoàn Lê Giang viết bài *Con đường thơ đi đến “Lửa từ bi”* của Vũ Hoàng Chương, in trong sách: Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam 1963, Nxb Hồng Đức, 2013; đăng lại trên Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 8 -2013. Bài viết đã lý giải cội nguồn cảm hứng của tác giả khi viết bài thơ, về ngọn lửa từ bi, ngọn lửa của Bồ tát Quảng Đức vì pháp thiêu thân để bảo tồn chính pháp, bảo tồn vận mệnh dân tộc vào mùa Pháp nạn 1963.

Đến kỷ niệm 60 năm ngày Bồ tát Quảng Đức vì pháp thiêu thân, Nguyễn Công Lý có bài *Bồ tát Quảng Đức vị Thánh tang thời hiện đại* đăng trên Nguyệt san Giác Ngộ, số 327, tháng 6-2023.

Hòa thượng Thích Minh Châu, vị thiền sư từng là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh trước đây, sau thời Đổi mới, ngài sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học và Trường Cao cấp Phật học Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo tại Hà Nội, tại Tp. HCM), và tiếp tục quản lý hai Viện cùng trực tiếp giảng dạy, và chuyên tâm chủ trì chỉ đạo sự nghiệp dịch kinh tạng Sanskrit, Pali sang Việt ngữ.

Viết về Hòa thượng Minh Châu, nhân Hội thảo khoa học kỷ niệm 35 năm thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nguyễn Công Lý có bài *Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu - bậc tòng lâm thạch trụ của Phật giáo Việt Nam, nhà văn hóa giáo dục lớn của thế kỷ XX* in trong Kỷ yếu và đăng lại trên Nguyệt san Giác Ngộ số 342, tháng 9-2024. Và cũng tại Hội thảo này đã có mấy chục bài nghiên cứu viết về Hòa thượng và về Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Nhất Hạnh ở Pháp đã cho xuất bản vài trăm công trình lớn nhỏ về Phật học, về sáng tác và nghiên cứu văn học. tác phẩm *Đường xưa mây trắng* kể về cuộc đời Đức Phật được dựng thành phim và đã đề cử dự giải Liên hoan phim quốc tế. *Thả một bè lau – Truyện Kiều* dưới góc nhìn Thiền quán là một công trình nghiên cứu dày dặn, nghiên cứu tác phẩm của thi hào Nguyễn Du dưới góc nhìn Thiền học. Công trình đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng. Ngoài ra ông còn có một số tập thơ, tập truyện khác xuất bản sau 1975 như *Am mây ngủ* (truyện), *Bưởi* (tập truyện ngắn), *Tổ* (tập truyện). Sau chuyến về thăm quê hương đúng 40 năm xa cách, từ năm 2005, thì từ đó các nhà xuất bản trong nước mới cho tái bản các tác phẩm, các công trình của

ông trước 1975 và xuất bản rất nhiều công trình khác được ông viết sau này.

Viết về Nhất Hạnh ở nước ngoài và trong nước đã có nhiều bài nghiên cứu, chẳng hạn như gần đây có bài của Huỳnh Như Phương đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Văn học Phật giáo Việt Nam: thành tựu và định hướng nghiên cứu mới, NXB KHXH, 2016. Mới đây có một luận văn Thạc sĩ Văn học của sư cô Nhuận Nguyễn (Nguyễn Thị Dung) nghiên cứu về Văn xuôi nghệ thuật của Nhất Hạnh trước 1975, bảo vệ đầu năm 2025, được Hội đồng đánh giá loại Xuất sắc.

Ni sư Trí Hải tiếp tục công việc giảng dạy tại Trường Cao cấp Phật học, kiêm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học. Từ sau 1975, bà đã cho xuất bản hàng chục công trình nghiên cứu và dịch thuật. Viết về những công trình dịch thuật của Ni sư, gần đây có bài viết của Nguyễn Thị Thanh Xuân: Biển Tuệ, Vườn Từ ái, Kỷ yếu HTKH về Nữ giới Phật giáo Việt Nam, tháng 5-2016; sau đó, bài viết này còn được đăng lại trên tạp chí Sông Hương của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hòa thượng Tuệ Sỹ và thiền gia Lê Mạnh Thát vẫn tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy tại Viện Nghiên cứu Phật học và Học Viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh, hai vị với tư cách là Viện phó lưỡng Viện. Các vị đã cho xuất bản hàng loạt các công trình về Phật học, trong đó có văn học Phật giáo.

Phạm Thiên Thư vẫn tiếp tục sáng tác và hành nghề Đông y tại TP. HCM. Những tập thơ đã xuất bản trước đây nay được tái bản, Bên cạnh, ông còn cho xuất bản những tập thơ mới: Những lời thược dược; Hát ru Sử thi Việt; Tự điển cười (24.000 bài tứ tuyệt tiểu liệu pháp, 2007); Vua núi vua nước (tức Sơn Tinh Thủy tinh, 2003). Hiện ông đang hoàn chỉnh tập Thi hóa kinh Hoa Nghiêm, mà bản thảo hiện đã đến vài chục ngàn câu thơ. Viết về thơ Phạm Thiên Thư, nếu trước 1975 có Thích Đức Nhuận, Đông Hồ, Lê Thanh Cảnh, thì từ sau 1975 có bài viết của Thái Doãn Hiếu, Khi sư ông xả thân làm tín đồ thơ!, Tạp chí Sông Hương, số 179 - 180 (tháng 1 - 2), 2009; bài của Trần Văn Thường và Nguyễn Đức Vân, Phạm Thiên Thư - hồn thơ "*không ngủ yên*", báo Văn nghệ Công an, 2007. Luận văn Thạc sĩ Văn học của Vũ Thị Huệ với đề tài Cảm quan Thiền Phật trong thơ Phạm Thiên Thư qua Động hoa vàng và Đoạn trường vô thanh bảo vệ năm 2018 được Hội đồng chấm luận văn đánh giá xuất sắc.

Ở hải ngoại, Phạm Công Thiện tiếp tục viết và cho xuất bản nhiều công trình: Trên tất cả đỉnh cao là im lặng (thơ), Trần Thi, California, 1988; Văn hóa Sài Gòn tái bản, TP. Hồ Chí Minh, 2009); Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất (1988); Sự chuyển động toàn diện của tâm thức trong tư tưởng Phật giáo (1994); Triết lý Việt Nam về sự vượt biên (1995); Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc (Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới, California, 1996); Khơi mạch nguồn

thơ thi sĩ Seamus Heaney, Giải Nobel Văn Chương 1995 (Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới, California, 1996); Làm thế nào để trở thành một bậc Bồ tát sáng rực khắp bốn phương trời (1998); Tinh túy trong sáng của đạo lý Phật giáo (1998); Một đêm siêu hình với Hàn Mặc Tử (2000); Khai ngôn cho một câu hỏi dễ hiểu: Triết học là gì? (2000) Đối mặt với 1000 năm cô đơn của Nietzsche (2000)...

Ngoài ra còn rất nhiều và rất nhiều công trình nghiên cứu về văn học Phật giáo Việt Nam và đặc biệt những sáng tác thể hiện cảm quan Thiền Phật của bà con người Việt ở hải ngoại đã được công bố, xuất bản, nhưng hiện tại chúng tôi chưa thể tiếp cận và nắm bắt hết được, nên không thể điểm qua ở đây.

* * *

Trên đây là điểm lại những thành tựu tiêu biểu về sưu tầm, phiên dịch, nghiên cứu về văn học Phật giáo Việt Nam từ trước đến hiện nay. Hơn 600 năm sưu tầm văn bản và hơn 100 năm phiên dịch, nghiên cứu về tác gia, tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam, đã có rất nhiều công trình lớn nhỏ, mà ở trên chúng tôi chỉ điểm qua những nét cơ bản nhất, chứ không có điều kiện thống kê và lược thuật đầy đủ.

Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, nhiều tờ báo và tạp chí Phật học, nhiều trang web Phật học ra đời, đã đăng tải rất nhiều và rất nhiều bài giới thiệu, nghiên cứu về Phật giáo và văn học Phật giáo, mà chắc chắn rằng hiện chúng tôi chưa tiếp cận và tổng thuật hết những thành tựu đã có. Rất mong quý vị độc giả cao minh vui lòng chỉ giáo và bổ sung thêm để có một danh mục tư liệu đầy đủ hơn, góp phần giúp cho bức tranh nghiên cứu về hai ngàn năm văn học Phật giáo Việt Nam thêm phong phú, đa dạng và có chiều sâu tốt hơn.

Nguồn: Nguyễn Công Lý – Đoàn Lê Giang (chủ biên), Văn học Phật giáo Việt Nam: thành tựu và định hướng nghiên cứu mới, Nxb KHXH, HN, 2016. Cập nhật và bổ sung mới 2025.

Chú thích:

[1] Nguyễn Đồng Chi, Việt Nam cổ văn học sử, Tập 1, Hàn Thuyên, HN, 1942. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá Sài Gòn tái bản 1970.

[2] Trần Nghĩa, bđd, Tạp chí Văn học, số 4, 1975.

[3] Trần Nghĩa, Sđd, Nxb Thế giới, HN, 2000.

[4] xem: Khảo luận văn bản trong Thơ văn Lý - Trần, Tập 1, trang 46-187.

[5] Trong công trình dịch thuật này, Trúc Thiên ghi tác giả là Trần Quốc Tảng. Nhầm lẫn này là do dịch giả căn cứ vào bộ Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Bích. Đúng ra, Tuệ Trung là Trần Tung (Trần Quốc Tung), bác ruột của Trần Quốc Tảng (ông Tảng là con của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, và là cha của Trần Quang Triều).

[6] Lê Mạnh Thát: Về tác giả bài thơ “Xuân nhật tức sự”, Tạp chí Văn học, số 1-1984, tr.164-167.

[7] Đoàn Lê Giang (2016), “Trở lại vấn đề tác giả và văn bản bài thơ “Xuân nhật tức sự” in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Văn học Phật giáo Việt Nam: thành tựu và định hướng nghiên cứu mới, Nguyễn Công Lý - Đoàn Lê Giang (chủ biên), NXB. Khoa học xã hội, tr.422-431; đăng lại trên Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 4 (252), tháng 4-2017, tr.25-32.

[8] Hà Văn Tấn: Vấn đề văn bản học các tác phẩm văn học Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn học, số 4-1992, tr.7-12.

[9] Trong Cảnh Đức truyền đăng lục, tại tiểu truyện viết về 藥山惟儼禪師 Được Sơn Duy Nghiễm thiền sư (751-834), tên tác giả bài thơ viết về tiếng cười của Duy Nghiễm là 朗州刺史李翱 Lãng Châu Thích sử Lý Cao. Chữ 翱 phải đọc là Cao hay Ngao. Ở đây, trong các bài viết, công trình của GS. Hà Văn Tấn, GS. Nguyễn Đình Chú, GS. Nguyễn Khắc Phi, HT. Thích Thanh Từ, các vị đã đọc là Tường, mà tự dạng chữ Tường 翔 gần giống với chữ Cao/Ngaο 翱.

[10] Nguyễn Đình Chú: Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Trung học Phổ thông, Vụ Giáo viên, Bộ GD, 1994, tr. 22-45.

[11] Nguyễn Đình Chú: Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 147, tháng 8-1994, tr. 11-13.

[12] Nguyễn Phạm Hùng: Dương Không Lộ - thiền sư thi sĩ, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 5 và 6-1996.

[13] Trần Đình Sử: Những thể giới nghệ thuật thơ, Nxb Giáo dục, HN, tb, 1997.

[14] Nguyễn Khắc Phi: Quanh nguồn tư liệu hiện có liên quan đến bài Ngôn hoài của Không Lộ thiền sư, Tạp chí Văn học, số 12-1996, tr.28-37.

[15] Nguyễn Đăng Na: Về bài Vương lang quy từ - khảo sát và giải mã văn bản, Tạp chí Văn học, số 1-1995, tr.9-14.

[16] Nguyễn Công Lý 2011. Khuông Việt quốc sư đối với đất nước trong buổi đầu độc lập tự chủ và văn bản bài từ khúc điệu Nguyễn lang quy. Đăng lại: Tạp

chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. HCM, tập 14, số 8-2017.

[17] Nguyễn Công Lý: Khuông Việt Quốc sư với vương triều Đinh – Lê, Tập san Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP.HCM, số 50 (tháng 4-2011). Ý chỉ đoạn Ngũ lục và bài kệ Thị tịch của Khuông Việt thiền sư, Nguyệt san Giác ngộ, số 180 (tháng 3-2011).

[18] Nguyễn Đăng Na: Bí ẩn của đoạn kết truyện Vô Ngôn Thông và việc giải mã bí ẩn đó, Tạp chí Văn học, số 3-1997, tr.63-72.

[19] Nguyễn Đồng Chi: Việt Nam cổ văn học sử, tập 1, Hàn Thuyên xuất bản, HN, 1942; Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá, Sài Gòn, tb, 1970.

[20] Hai công trình của Ngô Tất Tố đều do Mai Lĩnh xb, 1942: Văn học Việt Nam: Văn học đời Lý và Văn học Việt Nam: Văn học đời Trần.

[21] Hoàng Xuân Hãn: Lý Thường Kiệt – Lịch sử ngoại giao và tôn giáo triều Lý, 2 tập, Nxb Sông Nhị, HN, 1949 và 1950.

[22] Hai công trình của Mật Thể: Phật giáo khái luận, Minh Đức, Sài Gòn, tb, 1960; và Việt Nam Phật giáo sử lược, in lần đầu 1941, Minh Đức, Sài Gòn, tb, 1960.

[23] Trần Trọng Kim: Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay, Nxb Tân Việt, Sài Gòn, 1952.

[24] Các công trình của Lê Văn Siêu: Việt Nam văn hoá sử cương, Nxb Hướng Dương, Sài Gòn, 1957; Văn học Việt Nam thời Lý, Nxb Hướng Dương, Sài Gòn, 1957; Quốc sư Vạn Hạnh, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1967.

[25] Thu Giang Nguyễn Duy Cần: Phật học tinh hoa, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1971.

[26] Các công trình của Nguyễn Đăng Thục: Thiền học Việt Nam, Nxb Lá Bối, SG, 1967; Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1, Nxb Lá Bối, SG, 1967; Lịch sử triết học Đông phương, tập 4, Trung tâm học liệu, Bộ Giáo dục, SG, 1968; Thiền học Trần Thái Tông, Viện Đại học Vạn Hạnh xb, 1971; Thiền học Tổ Trúc Lâm An Tử, Tạp chí Tư tưởng, SG, số 4 và số 6-1972; Tư tưởng Thiền dân tộc của Vạn Hạnh, Tạp chí Tư tưởng, SG, số 6, số 7, số 8- 1972; Thiền của Vạn Hạnh, Nxb Kinh Thi, SG, 1973; Phật giáo Việt Nam, Nxb Mặt Đất, SG, 1974.

[27] Hai công trình của Thích Mãn Giác: Lý Công Uẩn và Phật giáo Việt Nam dưới triều Lý, Tạp chí Tư tưởng, SG, số 6-1972; Phật học – Thiền học và Thi ca, Viện Đại học Vạn Hạnh xb, SG, 1974.

[28] Trần Văn Giàu: Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam, Tập 1, Nxb KHXH, HN, 1963.

[29] Nguyễn Hữu Lợi: Chùa Một Cột với tinh thần Phật giáo Việt Nam thời Lý, Tạp chí Tư tưởng, SG, số 1 – 1974.

[30] Tạ Ngọc Liễn: Vài nhận xét về Thiền tông và phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, HN, số 4-1977.

[31] Nguyễn Duy Hình: Yên Tử - Vua Trần - Trúc Lâm, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, HN, số 2-1977, tr.10-21; Tìm hiểu ý nghĩa xã hội của phái Trúc Lâm đời Trần, in trong Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần, Nxb KHXH, HN, 1981.

[32] Nguyễn Huệ Chi: Các yếu tố Nho - Phật - Đạo được tiếp thu và chuyển hoá như thế nào trong đời sống tư tưởng và trong văn học thời đại Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 6-1978, tr.67-72.

[33] Nguyễn Thế Đăng: Ý nghĩa tích cực của đời sống trong cái nhìn của các thiền sư đời Trần, in trong Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam xb, TP. HCM, 1995.

[34] Thích Phước Sơn: Nhìn khái quát Phật giáo đời Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1992, tr.22-26.

[35] Lê Anh Dũng: Con đường tam giáo Việt Nam, Nxb TP. HCM, 1994.

[36] Viện Sử học - Nhiều tác giả: Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần, Nxb KHXH, HN, 1981.

[37] Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Nhiều tác giả: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam xb, TP. HCM, 1995.

[38] Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm - Viện Khoa học Xã hội tại TP. HCM: Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền tông Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, 1993; Nxb Đà Nẵng, tb, 2000.

[39] Bộ Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam, 3 tập, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 1957, 1958, của nhóm Lê Quý Đôn, gồm các tác giả: Lê Thước, Hoàng Ngọc Phách, Vũ Đình Liên, Đỗ Đức Hiểu, Huỳnh Lý, Lê Trí Viễn.

[40] Bộ Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam, 5 tập, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, 1959, của nhóm Văn Sử Địa, gồm các tác giả: Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh.

- [41] Bộ Lịch sử văn học Việt Nam, 6 tập, Nxb Giáo dục, HN, 1961-1963, công trình do tập thể các bộ giảng dạy Khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP HN biên soạn dưới sự chỉ đạo của GS. Lê Trí Viễn.
- [42] Bộ Văn học Việt Nam, nhiều tập, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, 1970-1978, công trình do tập thể cán bộ giảng dạy Khoa Ngữ văn, Trường ĐHTH HN biên soạn dưới sự chỉ đạo của GS. Đinh Gia Khánh.
- [43] Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Lịch sử văn học Việt Nam, Tập 1, Nxb KHXH, HN, 1980. Được biết công trình này dự kiến gồm ba tập, nhưng chỉ mới nghiệm thu và xuất bản Tập 1, còn hai tập còn lại đến nay vẫn chưa được nghiệm thu và xuất bản, bởi nhiều lý do phức tạp khác nhau.
- [44] Nguyễn Đồng Chi: Việt Nam cổ văn học sử, Tập 1, Hàn Thuyên xuất bản, HN, 1942; Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá, Sài Gòn, tb, 1970.
- [45] Ngô Tất Tố: Văn học Việt Nam: Văn học đời Lý, Mai Lĩnh xuất bản, 1942; và Văn học Việt Nam: Văn học đời Trần, Mai Lĩnh xuất bản, 1942.
- [46] Dương Quảng Hàm: Việt Nam văn học sử yếu, Nha Học chính Đông Pháp, HN, 1943. Trung tâm học liệu - Bộ Giáo dục, SG, tb, 1868.
- [47] Phạm Thế Ngũ: Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, tập 1, Quốc học tùng thư, Phạm Thế xb, SG, 1961.
- [48] Bùi Văn Nguyên (cb): Lịch sử văn học Việt Nam, tập 2, Nxb GD, HN, 1962.
- [49] Bùi Văn Nguyên (cb): Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII, Nxb GD, HN, 1989.
- [50] Đinh Gia Khánh (cb): Văn học cổ Việt Nam, 2 tập, Nxb GD, HN, 1964.
- [51] Đinh Gia Khánh (cb và giới thiệu): Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, Tập 2, Nxb Văn học, HN, tb, 1976.
- [52] Đinh Gia Khánh (cb): Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII, tập 1, Nxb ĐH và THCN, HN, 1977.
- [53] Phạm Văn Diêu: Hai trăm năm lịch sử văn học đời Lý, in ronéo, bài giảng tại Trường ĐHSP Sài Gòn, niên khoá 1970-1971.
- [54] Phạm Văn Diêu: Văn học đời Trần - Hồ, in ronéo, bài giảng tại Trường ĐH Văn khoa Sài Gòn, niên khoá 1970-1971.

[55] Đặng Thai Mai: Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học, trong Thơ văn Lý - Trần, Tập 1, Nxb KHXH, HN, 1977.

[56] Nguyễn Phạm Hùng: Vận dụng quan điểm thể loại vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam thời Lý - Trần, Luận án PTS Ngữ văn, bảo vệ tại Viện Văn học, HN, tháng 7-1995.

[57] Trần Thị Băng Thanh: Mấy nhà thơ phụ nữ thời đại Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 2, 1973, tr.9-16.

[58] Bùi Văn Nguyên: Bàn về một khía cạnh thơ trữ tình đời Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 1, 1975, tr.54-61.

[59] Các bài viết của Nguyễn Huệ Chi: Các yếu tố Nho - Phật - Đạo được tiếp thu và chuyển hoá như thế nào trong đời sống tư tưởng và trong văn học thời đại Lý Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 6-1978, tr.67-72. 'Động' và 'Tĩnh' của đất nước qua thơ ca các vị vua thi sĩ thời Trần, trong sách Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược, Nxb KHXH, HN, 1981, tr.162-182. Nghĩ về văn học đời Lý, Tạp chí Văn học, HN, số 6-1986, tr.96-104.

[60] Nguyễn Phạm Hùng: Sự xuất hiện khuynh hướng trong văn học cổ, Tạp chí Văn học, HN, số 1-1989, tr.58-71. Về cách tiếp cận truyện thời Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 10-1994, tr.15-19.

[61] Nguyễn Công Lý: Thiền học Lý - Trần với bản sắc dân tộc, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 6-1996, tr.48-50; số 1-1997, tr. 20-23.

[62] Kiều Thu Hoạch: Tìm hiểu thơ văn các nhà sư Lý Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 6-1965.

[63] Minh Chi: Thơ Thiền đời nhà Lý, tham luận tại Hội thảo khoa học Văn thơ và nghệ thuật đời nhà Lý, Hội Văn học Nghệ thuật Hà Bắc và Viện Văn học đồng tổ chức, Bắc Ninh, tháng 7-1985.

[64] Phạm Ngọc Lan: Chắt trữ tình trong thơ Thiền đời Lý, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1986, tr.92-97.

[65] Nguyễn Phạm Hùng: Thơ Thiền và việc lĩnh hội thơ Thiền, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1992, tr.39-43.

[66] Trần Thị Băng Thanh: Thử phân định hai mạch cảm hứng trong dòng văn học Việt Nam mang đậm dấu ấn Phật giáo, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1992, tr.30-35.

[67] Đoàn Thị Thu Vân: Một vài nhận xét về ngôn ngữ thơ Thiền Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 2-1992, tr.13-21.

[68] Đoàn Thị Thu Vân: Quan niệm con người trong thơ Thiền Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 3-1993, tr.12-15.

[69] Đoàn Thị Thu Vân: Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ Thiền Việt Nam thế kỷ XI - XIV, Luận án PTS Ngữ văn, bảo vệ tại Trường ĐHSP TP. HCM, tháng 6-1995.

[70] Nguyễn Công Lý: Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền tông thời Lý - Trần (viết xong 1982, bổ sung 1988), Nxb Văn hoá - Thông tin, HN, 1997.

[71] Nguyễn Công Lý: Mối quan hệ giữa Phật giáo với văn học, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 4-1998, tr.49-55.

[72] Nguyễn Công Lý: Về trạng thái tư duy nghệ thuật kiểu trực cảm tâm linh trong văn chương, Tạp chí Nha Trang, số 49, tháng 7 và 8-1998, tr. 66-71; In lại trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 1 và số 2-2000. Gần đây chúng tôi viết lại có bổ sung lý thuyết và mở rộng nội dung với nhan đề “Về kiểu tư duy trực cảm tâm linh trong văn chương” công bố trên Tạp chí Hán Nôm số 3-2014.

[73] Trần Thị Băng Thanh: Huyền Quang và những trang đời nhiều huyền thoại, những vần thơ nhiều hàm nghĩa, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1994, tr.26-30.

[74] Đỗ Văn Hỷ: Câu chuyện Huyền Quang và cách đọc thơ Thiền, Tạp chí Văn học, HN, số 1-1975, tr.62-75.

[75] Kiều Thu Hoạch: Tìm hiểu thơ văn các nhà sư Lý Trần, tltđ.

[76] Trần Thị Băng Thanh: Huyền Quang và những trang đời nhiều huyền thoại, những vần thơ nhiều hàm nghĩa, tltđ.

[77] Nguyễn Huệ Chi: Trần Tung - Một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền thời Lý - Trần, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1977, tr.116-135.

[78] Việc phát hiện tên thật của Tuệ Trung Thượng sĩ là Trần Tung (Trần Quốc Tung) đã được Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh) khẳng định trong công trình Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập 1, Nxb Lá Bối, Paris, 1972; Nxb Lá Bối, SG, tb, 1973, tức phát hiện này được công bố trước Nguyễn Huệ Chi đến gần 5 năm.

[79] Nguyễn Phương Chi: Huyền Quang, nhà sư thi sĩ, Tạp chí Văn học, HN, số 3-1982, tr.75-78.

- [80] Mai Quốc Liên: Các nhà thơ đời Trần, in trong sách Dưới góc me vườn Nguyễn Huệ, Sở Văn hoá – Thông tin tỉnh Nghĩa Bình xuất bản, 1986.
- [81] Nguyễn Huệ Chi: Mãn Giác và bài thơ Thiền nổi tiếng của ông, Tạp chí Văn học, HN, số 5-1987, tr.67-72.
- [82] Thích Thanh Từ: Thiền Trúc Lâm qua vấn đáp, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.92-98
- [83] Thích Thanh Từ: Thiền Trúc Lâm qua thơ văn chữ Hán, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.99-106.
- [84] Thích Thanh Từ: Tinh thần siêu phóng của Tuệ Trung Thượng sĩ, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.54-76.
- [85] Thích Minh Tuệ: Chắt Thiền nơi Tuệ Trung Thượng sĩ, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.83-91.
- [86] Minh Chi: Thơ Huyền Quang, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.192-200.
- [87] Nguyễn Phương Chi: Huyền Quang, nhà sư thi sĩ, Tạp chí Văn học, HN, số 3-1982, tr.75-78.
- [88] Thích Minh Tuệ: Thiền sư Huyền Quang, một nhà thơ lớn, in trong: Thiền học đời Trần, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr.201-208.
- [89] Thích Phước An: Thiền sư Huyền Quang và con đường trầm lặng của mùa thu, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1992, tr.48-52.
- [90] Phạm Ngọc Lan: Trần Nhân Tông và cảm xúc Thiền trong thơ, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1992, tr.48-52.
- [91] Nhiều tác giả: Tuệ Trung Thượng sĩ với Thiền Tông Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Viện KHXH tại TP. HCM và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đồng tổ chức, TP. HCM, 1993.
- [92] Nguyễn Công Lý: Xuân tàn mai vẫn nở hoa, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 1-1997, tr.10-12.
- [93] Bùi Văn Nguyên (cb): Lịch sử văn học Việt Nam, tập 2, Nxb GD, HN, tb, 1978; và Bùi Văn Nguyên (cb): Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII, Nxb GD, HN, 1989.

[94] Đinh Gia Khánh (cb): Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII, 2 tập, Nxb ĐH&THCN, HN, 1977-1978.

[95] Nguyễn Hữu Sơn: Tìm hiểu những đặc điểm nghệ thuật của Thiền uyển tập anh, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1996, tr.57-59.

[96] Nguyễn Hữu Sơn: Tìm hiểu đặc trưng lạ hoá về sự ra đời của các thiền sư trong Thiền uyển tập anh, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 3-1994.

[97] Nguyễn Hữu Sơn: Đặc điểm mối quan hệ giữa phần truyện – tiểu sử và việc tàng trữ giá trị thi ca trong Thiền uyển tập anh, Tạp chí Tác phẩm mới, HN, số 8-1996, tr.68-74.

[98] Nguyễn Hữu Sơn: Mấy ý kiến về sách Thiền uyển tập anh, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 4-1995, tr.48-50.

[99] Nguyễn Hữu Sơn: Thiền uyển tập anh từ góc nhìn một nét tương đồng hình thức thể tài biến văn, Tạp chí Văn học, HN, số 4-1997, tr.73-80.

[100] Nguyễn Tử Cường: Nghĩ lại lịch sử Phật giáo Việt Nam: Thiền uyển tập anh có phải là văn bản truyền đăng không?, Tạp chí Văn học, số 1-1997, tr.77-82.

[101] Nguyễn Đăng Na: Bí ẩn của đoạn kết truyện Vô Ngôn Thông và việc giải mã bí ẩn đó, Tạp chí Văn học, số 3-1997, tr.63-72.

[102] Nguyễn Công Lý: Về bài Tựa sách ‘Thiền tông chỉ nam’ của Trần Thái Tông (tìm hiểu giá trị văn bản), Tạp chí Hán Nôm, HN, số 2-1997, tr.39-45.

[103] Nguyễn Công Lý: Về thuyết ‘Tâm pháp nhất như’ của thiền sư Cú Chi, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 2-1997, tr.28-30.

[104] Nguyễn Công Lý: Sự quân bình giữa Tâm và Trí trong Thiền học Lý – Trần qua thuyết ‘Tam ban’ của Ngộ Ấn thiền sư, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 3-1997, tr.15-17; về sau bổ sung thêm, công bố trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4-2002.

[105] Ngô Thì Nhậm. Ngô Thì Nhậm tác phẩm, Cao Xuân Huy, Nguyễn Văn Tu, Ngô Lập Chi, Mai Quốc Liên, Trần Lê Sáng, Hà Thúc Minh dịch, Tập 3: Kim mã hành dư, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh, 2002. NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, tr.142.

Tác giả: **PGS.TS. Nguyễn Công Lý**

GVCC Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG TP.HCM